

**THÔNG BÁO DANH SÁCH ĐƠN VỊ CHẠM ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN**

*Số liệu tính đến 31/8/2026*

| STT | Tên đơn vị                                                | Mã đơn vị | Số lao động | Địa chỉ liên hệ                                                                  | Tổng số tiền chậm đóng | Trong đó                                       |               | Số tháng nợ |
|-----|-----------------------------------------------------------|-----------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------------------------------|---------------|-------------|
|     |                                                           |           |             |                                                                                  |                        | Số tiền chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN | Lãi           |             |
| 1   | Công ty cổ phần Lâm nghiệp Bảo Thắng                      | QF0001F   | 16          | Thôn Phú Long 2, xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai                                      | 68.622.486             | 68.515.401                                     | 107.085       | 3           |
| 2   | Công ty cổ phần xây dựng cầu Lào Cai                      | QZ0003Z   | 27          | 078 Đường Nhạc Sơn - (Phường Cốc Lếu cũ) phường Lào Cai - Lào Cai                | 174.528.597            | 170.618.794                                    | 3.909.803     | 3           |
| 3   | Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tỉnh Lào Cai               | QZ0028Z   |             | Tầng 2 khách sạn Fanxipan, số 039 đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai | 917.832.041            | 320.783.802                                    | 597.048.239   | 80          |
| 4   | Công ty cổ phần đường bộ Lào Cai                          | QZ0051Z   | 72          | Số nhà 311, đường Hoàng Liên, tổ 36 Cốc Lếu, Phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai        | 312.003.082            | 309.578.558                                    | 2.424.524     | 3           |
| 5   | Cty TNHH một thành viên Vật tư tổng hợp cứu long VINASHIN | QZ0004Z   |             | P. Yên Thịnh - TP. Yên Bái - Tỉnh Yên Bái                                        | 2.414.056.150          | 1.072.090.694                                  | 1.341.965.456 | 183         |
| 6   | Lâm trường Lục Yên                                        | QC0001C   | 3           | Xã Động Quan - Huyện Lục Yên - Tỉnh Yên Bái                                      | 4.824.970.764          | 1.760.865.656                                  | 3.064.105.108 | 175         |
| 7   | Công ty cổ phần khoáng sản và bao bì Mailands             | TA0345A   | 179         | KCN phía nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai                                       | 480.386.761            | 470.290.735                                    | 10.096.026    | 3           |
| 8   | Công ty TNHH đá hoa cương KANCHAN MARMO                   | YN0006Z   | 5           | BT - SH16, KPH MeLinh Plara, P. Yên Bái - T. Lào Cai                             | 20.704.545             | 20.499.721                                     | 204.824       | 3           |
| 9   | Công ty cổ phần sản xuất - XNK Phú Hưng                   | TB0009B   | 126         | Đường 19/5, phường cam đường, tỉnh Lào Cai                                       | 355.422.648            | 352.350.814                                    | 3.071.834     | 3           |
| 10  | Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Trần Gia Phát     | TB0037B   |             | Thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai                                    | 14.080.689             | 7.506.500                                      | 6.574.189     |             |
| 11  | Công ty Cổ phần Tập đoàn T&D Group - Chi nhánh Lào Cai    | TB0049B   | 65          | Tổ 9 thị trấn Bát Xát huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai                                 | 296.694.861            | 289.990.621                                    | 6.704.240     | 4           |
| 12  | Công ty TNHH Anh Nguyên huyện Bắc Hà                      | TE0001E   | 7           | TT Bắc Hà - Bắc Hà - Lào Cai                                                     | 41.410.108             | 41.030.500                                     | 379.608       | 4           |
| 13  | Công ty TNHH MTV Anh Phong Lào Cai                        | TE0022E   | 4           | Na Hô, Tà Chải, Bắc Hà, Lào Cai                                                  | 17.790.822             | 17.568.000                                     | 222.822       | 3           |
| 14  | Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Bắc Hà      | TE0033E   | 7           | Thôn Đội 2, xã Bản Liền, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai                              | 17.920.100             | 17.920.000                                     | 100           | 3           |
| 15  | Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu luyện kim Lào Cai  | TF0024F   | 14          | Lô đất F1, khu CN Tăng Loong, xã Tăng Loong, tỉnh Lào Cai                        | 75.371.436             | 74.893.181                                     | 478.255       | 4           |

|    |                                                                     |         |    |                                                                              |               |               |               |     |
|----|---------------------------------------------------------------------|---------|----|------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|---------------|-----|
| 16 | Công ty TNHH một thành viên đầu tư xây dựng Thành Công              | TF0027F |    | Số nhà 33, đường cách mạng tháng 8, TT Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai | 131.693.588   | 86.011.072    | 45.682.516    | 107 |
| 17 | Công ty TNHH MTV Đình Tiến                                          | TF0030F |    | Thôn Cù, Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai                         | 247.100.891   | 124.420.239   | 122.680.652   | 108 |
| 18 | Công ty TNHH một thành viên cơ khí Tiến Đức                         | TF0041F |    | Phú Thành 1 - TT Phố Lu - Bảo Thắng - Lào Cai                                | 221.663.285   | 136.346.297   | 85.316.988    | 103 |
| 19 | Công ty TNHH vật tư thiết bị Minh Châu                              | TF0049F | 1  | Số 021 Thôn 2, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai                                   | 136.636.427   | 116.097.378   | 20.539.049    | 41  |
| 20 | Công ty TNHH Một Thành Viên Tân Vũ Phong                            | TF0051F |    | Thôn Nhuần 3-Xã Phú Nhuận-Huyện Bảo Thắng-Tỉnh Lào Cai                       | 62.470.717    | 48.749.638    | 13.721.079    | 68  |
| 21 | Công ty TNHH một thành viên xây dựng Linh Hoạt                      | TF0054F |    | Thôn Phú Hải 2, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai                  | 109.395.623   | 87.560.587    | 21.835.036    | 90  |
| 22 | Công ty TNHH luyện kim An Thành Phát                                | TF0058F | 1  | Lô 790 đường N5 - Khu tái định cư Hợp Xuân 2 - Xã Gia Phú - Tỉnh Lào Cai     | 35.921.013    | 34.964.848    | 956.165       | 8   |
| 23 | Công ty TNHH MTV thương mại An Mạnh                                 | TF0062F | 6  | Tổ 19 Phường Pom Hán, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai                               | 37.041.816    | 36.672.000    | 369.816       | 4   |
| 24 | Công ty TNHH Trần Sâm                                               | TF0066F | 6  | Thôn Hải Sơn 2, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai                                  | 15.478.445    | 15.222.216    | 256.229       | 3   |
| 25 | Công ty Cổ phần hoá chất Phúc Lâm                                   | TF0081F |    | Thôn Phú Hà - Xã phú Nhuận - Bảo Thắng - tỉnh Lào Cai                        | 8.668.504.736 | 5.798.606.266 | 2.869.898.470 | 98  |
| 26 | Công ty TNHH xây dựng và TM Bảo Thắng                               | TF0082F | 5  | Số nhà 076 Đ 19/5, xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai                                | 32.174.453    | 32.000.000    | 174.453       | 4   |
| 27 | Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Sơn                       | TF0098F | 2  | Thôn Mường 1, xã Gia Phú, Tỉnh Lào Cai                                       | 10.772.356    | 10.508.570    | 263.786       | 4   |
| 28 | Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và thương mại PTBV Việt Anh Việt Nam | TF0109F |    | Km6, Thôn Bản Quắn, xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai              | 20.191.711    | 13.600.000    | 6.591.711     | 12  |
| 29 | Công ty TNHH sản xuất - xuất nhập khẩu Minh Nhật                    | TF0120F | 2  | Thôn Làng Bạc, xã Xuân Quang, tỉnh Lào Cai                                   | 24.847.460    | 16.969.617    | 7.877.843     | 6   |
| 30 | Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhật Anh                            | TF0121F | 1  | Thôn Giao Bình, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai                                     | 72.764.982    | 63.801.000    | 8.963.982     | 29  |
| 31 | Công ty TNHH một thành viên cơ khí Tâm Phong                        | TF0141F | 6  | SN 376, Đ. Lê Hồng Phong, xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai                         | 25.544.753    | 25.460.699    | 84.054        | 3   |
| 32 | Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ Gia Huy               | TF0143F | 3  | Số Nhà 252-254, Đ Lê Hồng Phong, xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai                  | 12.270.084    | 12.210.000    | 60.084        | 4   |
| 33 | Công ty TNHH 108 Bình Minh                                          | TF0149F | 10 | SN 336, Đ CM T8, xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai                                  | 33.147.541    | 33.076.530    | 71.011        | 3   |

|    |                                                                    |         |    |                                                                             |             |             |            |    |
|----|--------------------------------------------------------------------|---------|----|-----------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|------------|----|
| 34 | Công ty TNHH Xây dựng Chung Thành Đạt                              | TF0164F | 10 | Xóm 1, Thôn Phú Xuân - Xã Gia Phú - Tỉnh Lào Cai                            | 37.453.956  | 37.440.000  | 13.956     | 3  |
| 35 | Công ty TNHH Đại Lộc Phát LC                                       | TF0199F | 9  | số nhà 335 , tổ 3 , Xã Tăng Loỏng , Tỉnh Lào Cai                            | 34.796.013  | 34.343.885  | 452.128    | 3  |
| 36 | Công ty TNHH Long Khánh Crane                                      | TF0202F | 3  | Thôn 9, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai                                         | 12.991.402  | 12.960.000  | 31.402     | 3  |
| 37 | Công ty TNHH cơ khí Trung Kiên                                     | TF0207F | 2  | Thôn Hop Giao, Xei Gia Phu, Tỉnh Lao Cai                                    | 20.995.386  | 20.800.000  | 195.386    | 5  |
| 38 | Công ty TNHH ĐTXD Quang Sáng - Bảo Yên                             | TG0003G | 9  | Số nhà 526 đường Nguyễn Tất Thành, Xã Bảo Yên, Tỉnh Lào Cai                 | 62.418.438  | 62.080.000  | 338.438    | 4  |
| 39 | Công ty TNHH du lịch thương mại Hùng Vỹ                            | TH0009H | 33 | Tổ 7, Phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai                              | 126.694.207 | 125.066.050 | 1.628.157  | 4  |
| 40 | Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Anh Đức                    | TH0014H | 4  | Số 047, Phố Xuân Viên, tổ 4, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai       | 48.301.324  | 47.905.000  | 396.324    | 5  |
| 41 | Công ty TNHH MTV du lịch Sa Pa xanh                                | TH0039H |    | 037 phố Phan Si Păng, Phường Sa Pa, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai              | 114.074.222 | 31.982.200  | 82.092.022 | 89 |
| 42 | Công ty TNHH MTV Vũ Lâm                                            | TH0074H | 6  | 268 Điện Biên Phủ, P. Hàm Rồng, Thị xã Sa Pa, T. Lào Cai                    | 33.487.811  | 33.405.000  | 82.811     | 3  |
| 43 | Công ty TNHH MTV Tắc xi Phan Xi Păng                               | TH0075H | 1  | số 10, Lương Đình Cửa, tổ 2, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai       | 59.140.738  | 23.072.442  | 36.068.296 | 31 |
| 44 | Công ty cổ phần thương mại Hùng Dũng                               | TH0082H | 7  | Nhà bà Hà, Đường Điện Biên Phủ, Phường Hàm Rồng, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai | 30.203.476  | 29.952.000  | 251.476    | 3  |
| 45 | Công ty TNHH MTV khách sạn Mây Sa Pa                               | TH0096H | 8  | SN 139, Đường Thạch Sơn, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai           | 26.919.078  | 26.880.000  | 39.078     | 3  |
| 46 | Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ du lịch Rừng Xanh            | TH0113H | 2  | 172 đường Thạch Sơn, Phường sa Pa, TX. Sa Pa, Tỉnh Lào Cai                  | 249.763.392 | 190.320.202 | 59.443.190 | 84 |
| 47 | Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Long Nhi           | TH0122H |    | 533 Điện Biên Phủ, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai                 | 82.799.002  | 56.700.000  | 26.099.002 | 88 |
| 48 | Công ty cổ phần dịch vụ Lacasa                                     | TH0124H | 4  | Số 08B, đường Thác Bạc, tổ 5, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai      | 18.429.554  | 18.045.000  | 384.554    | 4  |
| 49 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế và Truyền thông Lửa Việt | TH0131H |    | Số 12 Đường Hoàng Liên, tổ 6, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai      | 115.569.822 | 90.548.586  | 25.021.236 | 78 |
| 50 | Chi nhánh công ty TNHH GALECOLL Việt Nam tại Sa Pa                 | TH0146H |    | Số 027 đường Thác Bạc, tổ 5 Phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai        | 158.371.410 | 118.730.674 | 39.640.736 | 73 |
| 51 | Công ty TNHH MTV GEM SAPA                                          | TH0148H |    | Số 08 Lê Quý Đôn, tổ 4, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai            | 28.246.943  | 21.512.173  | 6.734.770  | 75 |

|    |                                                                           |         |    |                                                                                |             |             |            |    |
|----|---------------------------------------------------------------------------|---------|----|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|------------|----|
| 52 | Công Ty TNHH MTV Anh Tân Sa Pa                                            | TH0154H | 5  | Tổ 4, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai                                 | 29.928.031  | 29.760.000  | 168.031    | 3  |
| 53 | Công ty TNHH MTV Tùng Mậu                                                 | TH0162H |    | Số nhà 387 đường Điện Biên Phủ, tổ 1, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai | 84.094.338  | 69.346.500  | 14.747.838 | 80 |
| 54 | Công ty TNHH Du lịch xanh Sa Pa                                           | TH0163H |    | Số 10 ngõ 36 đường Sở Than, tổ 5, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai     | 125.708.850 | 76.044.661  | 49.664.189 | 74 |
| 55 | Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ và xây dựng Đỉnh Cao Sa Pa | TH0169H |    | SN 413, đường Điện Biên Phủ, tổ 3, phường Sa Pa, TX Lào Cai, tỉnh Lào Cai      | 191.968.057 | 153.297.954 | 38.670.103 | 60 |
| 56 | Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Sa Pa                           | TH0173H |    | thôn Cửa Cải, xã Ngũ Chi Sơn, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai                       | 133.637.352 | 106.018.968 | 27.618.384 | 65 |
| 57 | Công ty TNHH MTV dịch vụ du lịch Sao Khuê                                 | TH0176H | 2  | SN 012 đường hoàng liên, Phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai              | 117.810.228 | 50.042.380  | 67.767.848 | 22 |
| 58 | Văn phòng công chứng Phạm Giang Thanh                                     | TH0177H | 7  | 158 Thạch sơn, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai                        | 26.460.151  | 26.094.214  | 365.937    | 3  |
| 59 | Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng và Cảnh quan Fanxipăng                      | TH0184H | 74 | Số 81 đường Violet, Phường Sa Pa, Tỉnh Lào Cai                                 | 297.566.252 | 297.545.000 | 21.252     | 3  |
| 60 | Công ty TNHH thương mại và xây dựng Đức Thọ                               | TH0206H | 1  | SN 051, đường Hoàng Hoa Thám, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai  | 65.464.133  | 53.024.700  | 12.439.433 | 37 |
| 61 | Công ty TNHH dịch vụ du lịch Lá Chàm Sa Pa                                | TH0210H | 5  | SN 023, Phố đồng lợi, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai                 | 30.600.064  | 29.091.648  | 1.508.416  | 6  |
| 62 | Công ty cổ phần bất động sản VESHIA                                       | TH0218H |    | SN 712 điện biên phủ, phường Phan Si Păng, thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai          | 62.339.649  | 51.318.500  | 11.021.149 | 32 |
| 63 | Công ty TNHH Trekking Tour Sa Pa                                          | TH0224H | 2  | SN 09, đường Thác Bạc, tổ 5, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai          | 11.851.364  | 11.776.000  | 75.364     | 5  |
| 64 | Công ty TNHH du lịch AHATRIP VN                                           | TH0226H | 5  | Số nhà 146, Đường Thạch Sơn, Tổ dân phố 2, Phường Sa Pa, Tỉnh Lào Cai          | 13.298.447  | 13.248.000  | 50.447     | 3  |
| 65 | Công ty cung ứng dịch vụ và thiết bị công nghệ Bảo Nam                    | TH0234H | 5  | 02 Đồng Lợi, Tổ 6, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai                    | 31.740.371  | 31.138.782  | 601.589    | 7  |
| 66 | Công ty TNHH TM và du lịch Lito Travel                                    | TH0244H | 5  | SN 058 lương đình cửa, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai                | 21.571.927  | 21.444.000  | 127.927    | 3  |
| 67 | Công ty TNHH MTV Dương 36                                                 | TH0247H | 10 | 252 Điện Biên Phủ, tổ 5, phường Hàm Rồng, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai           | 27.860.375  | 27.793.326  | 67.049     | 3  |
| 68 | Công ty TNHH Khách sạn A25 SaPa                                           | TH0254H | 12 | Số 29 - phố Thác Bạc - TDP Phan Si Păng số 4 - phường Sa Pa - tỉnh Lào Cai     | 37.401.425  | 37.266.201  | 135.224    | 3  |
| 69 | Công ty TNHH MTV Việt Sa pa travel                                        | TH0261H | 11 | 039 Đường Phan Si Păng, tổ 6, Phường Sa Pa, Lào Cai                            | 56.944.915  | 56.395.280  | 549.635    | 5  |

|    |                                                      |         |    |                                                                                                |             |             |             |    |
|----|------------------------------------------------------|---------|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|----|
| 70 | Công ty Cổ phần Người Trên Mây                       | TH0262H | 5  | Số 33 Hoàng Liên, Phường Phan Si Păng, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai                              | 20.397.847  | 20.349.000  | 48.847      | 3  |
| 71 | Công ty TNHH Mỹ Phẩm KMB                             | TH0264H | 2  | Đường N2, tổ dân phố Hàm Rồng 5, Phường Sa Pa, Lào Cai                                         | 11.753.902  | 11.722.500  | 31.402      | 3  |
| 72 | Công ty TNHH T'WAY Việt Nam                          | TH0266H | 16 | Tổ dân phố Phan Si Păng 3, Phường Sa Pa, Tỉnh Lào Cai                                          | 79.440.735  | 78.969.600  | 471.135     | 3  |
| 73 | Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ Anh Khôi Sa Pa   | TH0277H | 3  | SN 08 đường Xuân Viên , Phường Sa Pa, Tỉnh Lào Cai                                             | 16.296.438  | 16.179.543  | 116.895     | 3  |
| 74 | Công ty TNHH đầu tư giáo dục kỹ nguyên mới           | TH0281H | 4  | SN 168 đường Thạch Sơn, phường Sa Pa, tỉnh Lào Cai                                             | 21.088.556  | 20.902.032  | 186.524     | 5  |
| 75 | Công ty cổ phần BVB                                  | TH0289H | 8  | Shophouse 07, tòa nhà Irista hill Sa Pa Khu dự phòng Tây Bắc Sa Pa, phường Sa Pa, tỉnh Lào Cai | 31.589.227  | 31.485.440  | 103.787     | 3  |
| 76 | Công ty TNHH Viet Mountains                          | TH0290H | 3  | Thôn Sả Xéng, xã Tả Phìn, tỉnh Lào Cai                                                         | 28.869.781  | 28.800.000  | 69.781      | 3  |
| 77 | Công ty TNHH Lâm nghiệp huyện Văn Bàn tỉnh Lào Cai   | TI0002I | 40 | Thị trấn Khánh Yên - huyện Văn Bàn - tỉnh Lào Cai                                              | 211.084.810 | 210.157.197 | 927.613     | 4  |
| 78 | Công ty TNHH XD Hoàng Anh huyện Văn Bàn tỉnh Lào Cai | TI0011I | 6  | Thị trấn Khánh Yên - huyện Văn Bàn - tỉnh Lào Cai                                              | 17.439.980  | 17.439.775  | 205         | 3  |
| 79 | Cty TNHH MTV tư vấn dịch vụ Văn Bàn                  | TI0018I | 9  | Sô nhà 37 Khu B, Đường Trần Phú, Tổ 14, Phường Nam Cường, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai      | 32.492.166  | 32.365.299  | 126.867     | 3  |
| 80 | Công ty cổ phần khoáng sản Đức Long                  | TI0019I | 36 | Thôn Khe Chấn - Sơn Thủy - Văn Bàn - Lào Cai                                                   | 339.552.846 | 298.929.279 | 40.623.567  | 7  |
| 81 | Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Khánh                      | TI0020I |    | KháKhánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai                                                        | 306.185.118 | 169.377.926 | 136.807.192 | 80 |
| 82 | Công ty TNHH 1 thành viên Đức Toàn                   | TI0026I |    | Số nhà 174 Đường Quảng Trung, Tổ 04, TT Khánh Yên, Văn Bàn, Lào Cai                            | 22.137.930  | 12.230.000  | 9.907.930   | 24 |
| 83 | Công ty TNHH 1 TV Đức Trang Văn Bàn                  | TI0029I |    | Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai                                                                 | 18.546.582  | 8.100.000   | 10.446.582  |    |
| 84 | Công ty TNHH MTV Doanh Thu                           | TI0030I | 2  | Thôn Noong Dòn,xã Văn Bàn, tỉnh Lào Cai                                                        | 32.197.004  | 29.915.991  | 2.281.013   | 13 |
| 85 | Công ty cổ phần thủy điện Hòm Dưới                   | TI0033I | 7  | Thôn Đồng Qua, xã Liêm Phú, Văn Bàn, Lào Cai                                                   | 31.936.047  | 31.874.800  | 61.247      | 3  |
| 86 | Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Kiên Thảo             | TI0034I |    | TT Khánh Yên, Văn Bàn, Lào Cai                                                                 | 20.032.714  | 11.602.500  | 8.430.214   | 52 |
| 87 | Công ty TNHH xây dựng thương mại Hoàng Nhân          | TI0038I |    | Số nhà 087, đường Minh Đăng, thị trấn Khánh Yên, Văn Bàn, Lào Cai                              | 10.272.945  | 7.360.000   | 2.912.945   | 45 |

|     |                                                       |         |    |                                                                                             |             |             |             |     |
|-----|-------------------------------------------------------|---------|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-----|
| 88  | Công ty TNHH MTV xây dựng Quốc Đạt                    | TI0043I | 4  | 309 đường Quang Trung, Thôn 5, đường Quang Trung, xã Văn Bàn, tỉnh Lào Cai (SDT 0338282816) | 10.570.159  | 10.537.460  | 32.699      | 3   |
| 89  | Công ty TNHH xây dựng thương mại Trần Sơn             | TI0053I | 12 | TT Khánh Yên, Huyện Văn Bàn, Tỉnh Lào Cai                                                   | 53.017.268  | 52.596.664  | 420.604     | 4   |
| 90  | Công ty TNHH XD&VT Minh Khang                         | TI0075I | 2  | Xã Văn Bàn, tỉnh Lào Cai                                                                    | 14.549.130  | 14.400.000  | 149.130     | 4   |
| 91  | Công ty cổ phần khai thác chế biến khoáng sản Lào Cai | TI0082I | 22 | Xã Văn Bàn, tỉnh Lào Cai                                                                    | 94.095.551  | 93.664.000  | 431.551     | 4   |
| 92  | Công ty TNHH TMDV Bình An LC                          | TI0083I | 6  | Xã Văn Bàn, tỉnh Lào Cai                                                                    | 50.122.658  | 49.600.000  | 522.658     | 3   |
| 93  | Công ty TNHH XD 68                                    | TI0089I | 4  | Xã Văn Bàn, tỉnh Lào Cai                                                                    | 23.359.456  | 23.220.000  | 139.456     | 4   |
| 94  | Công ty TNHH một thành viên tư vấn dịch vụ Hoàng Liên | TI0091I | 4  | Xã Văn Bàn, tỉnh Lào Cai                                                                    | 20.190.250  | 20.064.000  | 126.250     | 3   |
| 95  | Công ty TNHH An phát Lào Cai                          | TI0093I | 4  | Xã Văn Bàn, tỉnh Lào Cai                                                                    | 23.197.345  | 23.040.000  | 157.345     | 3   |
| 96  | Công ty TNHH Mạnh Phương                              | TI0094I | 4  | Thôn 7, Xã Văn Bàn, Tỉnh Lào Cai                                                            | 15.412.706  | 15.360.000  | 52.706      | 3   |
| 97  | Công ty TNHH Đức Toàn                                 | TA0002A |    | Số nhà 023, đường Ngô Minh Loan, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                             | 45.286.920  | 27.364.006  | 17.922.914  | 121 |
| 98  | Công ty TNHH Vận Tải Toàn Phát TQ                     | TA0010J | 5  | 048B đường Khánh Yên kéo dài thôn Hồng Hà, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                     | 21.170.906  | 21.129.308  | 41.598      | 3   |
| 99  | Công ty TNHH xây dựng và thương mại số 1 Hoàng Hà     | TA0011J | 9  | Số nhà 099, Đường Hoàng Diệu, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                                  | 37.759.752  | 37.685.450  | 74.302      | 3   |
| 100 | Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ du lịch SUNRISE        | TA0034J | 19 | Số 128 đường An Dương Vương, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                                   | 63.006.962  | 62.945.000  | 61.962      | 3   |
| 101 | Công ty cổ phần XNK Dược Ngọc Linh                    | TA0039J | 3  | Số 221 - 223, đường Ý Lan, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                                   | 22.557.396  | 22.400.000  | 157.396     | 5   |
| 102 | Công ty TNHH - TM&DV Kinh Đô                          | TA0045A |    | đường Điện Biên, Khu tiểu thủ CN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                | 433.306.799 | 246.451.207 | 186.855.592 | 84  |
| 103 | Công ty TNHH Đông Đô - TP Lào Cai                     | TA0046A | 1  | Số nhà 611A, đường 4E, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                                       | 470.574.328 | 282.333.482 | 188.240.846 | 124 |
| 104 | Công ty TNHH MTV In - Quảng cáo Vạn Thủy              | TA0056J | 1  | Số nhà 087, đường Hoàng Liên, Phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                                  | 11.176.435  | 10.662.587  | 513.848     | 5   |

|     |                                              |         |    |                                                                 |               |             |             |     |
|-----|----------------------------------------------|---------|----|-----------------------------------------------------------------|---------------|-------------|-------------|-----|
| 105 | Công ty TNHH Hồng Hào                        | TA0069A | 3  | 001A Trần Nhật Duật (Kim Tân), Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai     | 44.034.916    | 42.912.000  | 1.122.916   | 10  |
| 106 | Công ty TNHH thương mại Hoa Lợi              | TA0078A | 1  | Số 056 - đường Hưng Hóa, Cốc Lếu, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai  | 72.475.631    | 63.349.948  | 9.125.683   | 44  |
| 107 | Công ty TNHH phát triển Miền Tây             | TA0095A | 8  | Số 115, Đường An Lạc, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai            | 398.066.868   | 365.790.156 | 32.276.712  | 22  |
| 108 | Công ty TNHH tư vấn TK giám sát XD Lào Cai   | TA0106A | 1  | Số 021 đường Thanh Niên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai           | 30.447.335    | 28.800.000  | 1.647.335   | 14  |
| 109 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP LÂM DỪNG    | TA0156J | 2  | Số nhà 198, đường Trần Thủ Độ, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai   | 23.886.349    | 23.520.000  | 366.349     | 5   |
| 110 | Công ty TNHH TV Thiết Kế Nhà Đẹp Mỹ Đức      | TA0168A | 1  | Số nhà 01, đường Cao Xuân Quế, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai   | 148.256.906   | 123.183.960 | 25.072.946  | 41  |
| 111 | Công ty TNHH Vũ Thành                        | TA0176A | 10 | Số 237 đường 4E, tổ 3 Bắc Cường, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai | 117.557.081   | 114.250.964 | 3.306.117   | 7   |
| 112 | Công ty TNHH xây dựng Hồng Thái              | TA0181A |    | Số nhà 221, đường Hồng Hà, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai         | 963.742.484   | 599.295.718 | 364.446.766 | 80  |
| 113 | Công ty TNHH XD TH Thái Dương                | TA0186A |    | Tổ 23 đường Đinh Bộ Lĩnh, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai          | 71.905.540    | 61.850.444  | 10.055.096  | 44  |
| 114 | Công ty TNHH xây lắp Cường Lĩnh              | TA0187A |    | Số nhà 001, Phố Cao Sơn, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai           | 1.084.366.863 | 696.038.804 | 388.328.059 | 75  |
| 115 | Công ty TNHH XL và TM Hoàng Tú               | TA0193A | 3  | Số 143 Sơn Đạo, Cốc Lếu, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai           | 1.154.684.945 | 778.598.536 | 376.086.409 | 110 |
| 116 | Công ty TNHH Một Thành viên Đại Phú Hương    | TA0194J | 4  | Số nhà 019 Lê Lợi Phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                  | 12.939.562    | 12.814.321  | 125.241     | 3   |
| 117 | Công ty TNHH Thương mại & Xây dựng Bắc Cường | TA0214A | 13 | Tổ 10, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                             | 62.553.768    | 62.400.000  | 153.768     | 3   |
| 118 | Công ty TNHH Năm Việt Hùng                   | TA0235J | 5  | SN 029, đường Bùi Bằng Đoàn, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai     | 17.610.304    | 17.600.000  | 10.304      | 3   |
| 119 | Doanh nghiệp Tư nhân Tân Huy                 | TA0241A |    | Số nhà 020, đường Đặng Trần Côn, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai   | 183.182.356   | 97.178.527  | 86.003.829  | 118 |
| 120 | Doanh nghiệp Tư Nhân xây lắp Sơn Đông        | TA0256A | 1  | Số 897 đường Lê Thanh, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai           | 18.122.800    | 17.600.000  | 522.800     | 11  |
| 121 | Công ty Cổ phần thương mại vận tải Hà Lào    | TA0273A |    | Số nhà 370, đường Khánh Yên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai       | 414.188.991   | 158.011.958 | 256.177.033 | 35  |
| 122 | Công ty Cổ phần Việt Anh                     | TA0330A |    | Số nhà 025, đường Phú Thịnh, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai     | 349.300.318   | 179.256.792 | 170.043.526 | 76  |

|     |                                                    |         |   |                                                                             |             |             |             |     |
|-----|----------------------------------------------------|---------|---|-----------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-----|
| 123 | Công ty TNHH MTV kinh doanh xuất nhập khẩu Việt Tú | TA0331A | 2 | Khu Công nghiệp, xã Vạn Hòa , tỉnh Lào Cai                                  | 923.312.149 | 616.679.352 | 306.632.797 | 110 |
| 124 | Công Ty TNHH XD và Khai Thác Khoáng Sản Lào Cai    | TA0343A |   | Lô 23,đường Thủ Đầu Một, Khu CN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai | 255.155.411 | 115.141.843 | 140.013.568 | 118 |
| 125 | Công ty CPTV Đầu Tư XD Năng Lượng                  | TA0362A |   | Số 101 đường D4A Bắc Cường, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                  | 200.889.218 | 178.334.819 | 22.554.399  | 57  |
| 126 | Công ty TNHH MTV Vân Cương                         | TA0378A |   | Số nhà 152, đường Trần Đại Nghĩa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai              | 544.904.469 | 288.907.400 | 255.997.069 | 131 |
| 127 | Công ty TNHH Hoàng Hải                             | TA0379A |   | Số nhà 023, đường N7 Bắc Cường, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai              | 149.988.115 | 110.539.473 | 39.448.642  | 86  |
| 128 | Công ty TNHH thương mại Tiến Minh Lào Cai          | TA0391A |   | Số nhà 026, đường Nhạc Sơn, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                    | 431.334.372 | 273.330.635 | 158.003.737 | 100 |
| 129 | Công ty TNHH TM & SX Hà Sơn Bình                   | TA0407A | 3 | Số 03a đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                       | 15.137.389  | 15.100.800  | 36.589      | 3   |
| 130 | Công ty TNHH Một Thành Viên Đại Phát               | TA0410A |   | đường M10, Thôn Sơn Mãn, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                       | 11.584.664  | 4.757.154   | 6.827.510   | 118 |
| 131 | Công ty cổ phần thương mại An Phát                 | TA0431A | 4 | Số 061 phố Lê Đại Hành, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                        | 14.085.655  | 14.081.524  | 4.131       | 3   |
| 132 | Công ty TNHH Bình Dương                            | TA0433A |   | số 062 đường Hoàng Hoa Thám, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                   | 17.838.024  | 9.375.289   | 8.462.735   | 113 |
| 133 | Công ty TNHH một thành viên Đoàn Anh               | TA0440A |   | Số nhà 0207, đường Trần Đại Nghĩa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai             | 128.237.503 | 96.600.118  | 31.637.385  | 50  |
| 134 | Công ty cổ phần Tây Bắc                            | TA0452A | 1 | Số nhà B1-06, đường An Dương Vương, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai            | 470.950.177 | 323.485.720 | 147.464.457 | 84  |
| 135 | Công ty TNHH DV vận tải Đạt Thắng                  | TA0481A |   | Số nhà 016, đường Nguyễn Viết Xuân, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai            | 297.661.598 | 183.591.050 | 114.070.548 | 112 |
| 136 | Công ty TNHH Một Thành Viên Tổ Như                 | TA0489A |   | Số 10, đường Hoàng Liên, tổ 3, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                 | 16.341.220  |             | 16.341.220  |     |
| 137 | Công ty TNHH Bảo Châu                              | TA0508A |   | Số nhà 478, đường Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                  | 146.346.114 | 125.687.423 | 20.658.691  | 94  |
| 138 | Công ty CPTM và ĐTXD Hải Anh                       | TA0534A |   | số 053, đường Phạm Văn Xảo, Sơn Mãn, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai           | 184.992.234 | 102.053.673 | 82.938.561  | 96  |
| 139 | Công ty TNHH Kiên Nguyễn Thành                     | TA0537A | 5 | số 10 đường Soi Tiền , (Phường Cốc Lều cũ), phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai    | 19.289.383  | 19.215.001  | 74.382      | 4   |

|     |                                                  |         |   |                                                                                 |             |             |             |     |
|-----|--------------------------------------------------|---------|---|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-----|
| 140 | Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Hoàng Cường | TA0539A |   | Số 096 Hoàng Văn Thụ, Cốc Lếu, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                     | 85.578.341  | 75.042.912  | 10.535.429  | 56  |
| 141 | Công ty CP xây dựng và thương mại Mê Linh        | TA0553A | 4 | Lô số 37, Khu tiểu thủ công nghiệp Bắc Duyên Hải , phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai | 20.879.521  | 20.837.541  | 41.980      | 3   |
| 142 | Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Trương Anh       | TA0559A | 1 | Số nhà 014, đường Bùi Quốc Khái, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                 | 275.399.937 | 190.902.093 | 84.497.844  | 87  |
| 143 | Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ Cường Phát   | TA0562A |   | Số nhà 015, đường Lê Ngọc Hân, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                     | 92.279.164  | 70.603.832  | 21.675.332  | 103 |
| 144 | Công ty TNHH MTV tin học Tiến Thành              | TA0565A |   | Số nhà 202, đường Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                      | 384.540.030 | 262.423.914 | 122.116.116 | 115 |
| 145 | Công ty TNHH MTV thương mại Quyết Tiến           | TA0567A |   | Lô 2, ô 47, đường Tổ Hiến Thành, KCN Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai    | 408.478.715 | 303.125.269 | 105.353.446 | 79  |
| 146 | Công ty TNHH MTV Phúc Tâm Tài                    | TA0574A |   | Số nhà 241, đường Lương Khánh Thiện, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai               | 109.856.229 | 89.105.522  | 20.750.707  | 74  |
| 147 | Công ty TNHH MTV kinh doanh viễn thông           | TA0575A |   | Số nhà 051, đường Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                      | 57.213.189  | 20.843.130  | 36.370.059  | 115 |
| 148 | Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng Mạnh Đạt        | TA0577A |   | Tổ 10, đường N10 Bắc Cường, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                      | 115.894.639 | 53.781.848  | 62.112.791  | 133 |
| 149 | Công ty TNHH tư vấn xây dựng ATP                 | TA0580A |   | Số nhà 038, đường Tán Thuật, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                       | 338.902.900 | 180.227.624 | 158.675.276 | 124 |
| 150 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Nhật Tân  | TA0591A |   | Số nhà 010, đường Hoàng Văn Thụ, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                   | 71.139.890  | 46.700.789  | 24.439.101  | 56  |
| 151 | Công ty cổ phần Tứ Đình                          | TA0602A |   | Tầng 3, nhà hàng Tứ Đình, đường D1 Bờ kè Hồng Hà, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai  | 519.877.981 | 278.703.373 | 241.174.608 | 110 |
| 152 | Công ty CP thương mại dịch vụ Hoàng Long         | TA0615A |   | Số nhà 320 đường Khánh Yên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                        | 115.188.436 | 53.956.429  | 61.232.007  | 117 |
| 153 | Công ty trách nhiệm hữu hạn Thủy Linh            | TA0621A |   | Số 406, đường An Dương Vương, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                      | 200.278.170 | 122.331.798 | 77.946.372  | 88  |
| 154 | Công ty TNHH MTV xây dựng và TM Thành Phát       | TA0632A | 4 | SN 078 đường Hoàng Văn Thụ. (Cốc Lếu), Phường Lào Cai , Lào Cai                 | 35.126.345  | 35.001.600  | 124.745     | 4   |
| 155 | Công ty TNHH thương mại An Lợi Vinh              | TA0637A |   | Số nhà 141, đường Đăng Châu, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                       | 618.927.257 | 321.176.743 | 297.750.514 | 125 |
| 156 | Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại Lào Cai     | TA0638A | 3 | Số nhà 063, đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai               | 187.321.599 | 163.992.081 | 23.329.518  | 49  |
| 157 | Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Cường Thịnh   | TA0641A |   | Số nhà 154, đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                      | 51.831.706  | 29.496.576  | 22.335.130  | 109 |

|     |                                                              |         |   |                                                                          |               |               |               |     |
|-----|--------------------------------------------------------------|---------|---|--------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|---------------|-----|
| 158 | Công ty TNHH tư vấn cấp thoát nước Lào Cai                   | TA0653A | 1 | số nhà 087, đường tỉnh Lộ 156, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai            | 151.917.218   | 116.023.000   | 35.894.218    | 82  |
| 159 | Công ty TNHH thương mại tổng hợp và dịch vụ Trường Giang     | TA0664A | 1 | Số nhà 111, Đường Nhạc Sơn, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai                 | 243.469.080   | 198.261.236   | 45.207.844    | 35  |
| 160 | Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu và vận tải Thống Nhất | TA0668A | 1 | Lô số 34, Đ.Thủ Dầu Một, CCN Bắc Duyên Hải, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai | 570.355.033   | 344.106.522   | 226.248.511   | 115 |
| 161 | Công ty CP cung ứng xuất nhập khẩu Trung Việt                | TA0672A |   | Số nhà 252, đường Khánh Yên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                | 52.361.175    | 14.668.292    | 37.692.883    | 102 |
| 162 | Công ty cổ phần CARAT - CN Lào Cai                           | TA0675A |   | Số nhà 121, đường Thanh Niên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai               | 5.285.818.107 | 2.813.605.379 | 2.472.212.728 | 130 |
| 163 | Công ty cổ phần xây dựng Tâm An Lào Cai                      | TA0676A | 1 | Số nhà 222A , Đường Nhạc Sơn, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai               | 126.762.587   | 106.152.068   | 20.610.519    | 46  |
| 164 | Công ty TNHH vận tải và du lịch Đại Dương                    | TA0677A |   | Số nhà 012, Phố Kim Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                    | 477.055.132   | 333.644.712   | 143.410.420   | 130 |
| 165 | Công ty TNHH tư vấn và thiết kế Sơn Đông                     | TA0688A |   | Số nhà 019B, đường Lý Đạo Thành, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai            | 356.448.881   | 177.247.793   | 179.201.088   | 86  |
| 166 | Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Mạnh Đạt                     | TA0690A |   | Số nhà 541, đường Điện Biên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                | 329.667.521   | 203.175.683   | 126.491.838   | 105 |
| 167 | Công ty TNHH MTV thương mại tổng hợp Bình Dương              | TA0694A |   | Số nhà 290, đường Lương Khánh Thiện, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai        | 139.355.484   | 77.592.255    | 61.763.229    | 76  |
| 168 | Công ty TNHH MTV quảng cáo nội thất và truyền thông Bắc Đầu  | TA0695A |   | số nhà 200 Phùng Chí Kiên, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                | 81.199.458    | 65.841.650    | 15.357.808    | 67  |
| 169 | Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Hải Long                     | TA0696A |   | Số nhà 019, đường Lê Lợi, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                   | 184.388.199   | 139.774.372   | 44.613.827    | 100 |
| 170 | Công ty CP xây dựng và phát triển Tiến Thành                 | TA0697A | 7 | Số 228, Đ An Dương Vương, Kim Tân, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai          | 51.316.855    | 49.831.062    | 1.485.793     | 5   |
| 171 | Công Ty TNHH MTV vận tải Hồng Đức                            | TA0703A |   | Số nhà 515, đường Nhạc Sơn, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                 | 25.305.876    | 23.107.500    | 2.198.376     | 19  |
| 172 | Công ty TNHH MTV thương mại Vạn Long                         | TA0704A |   | Số nhà 121, đường Nguyễn Khuyến, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai            | 137.639.066   | 85.660.787    | 51.978.279    | 92  |
| 173 | Công ty TNHH MTV Khánh Nhân                                  | TA0708A |   | Số nhà 022, đường Thanh Niên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai               | 335.761.968   | 185.983.764   | 149.778.204   | 114 |
| 174 | Công ty TNHH MTV Đào tạo Quốc tế Đại An                      | TA0710A | 4 | Số nhà 143, đường Tuệ Tĩnh, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                 | 10.276.986    | 10.215.199    | 61.787        | 3   |
| 175 | Công ty TNHH MTV TM xuất nhập khẩu Vĩnh Phát                 | TA0714A |   | Số nhà 033, đường M17 Hồng Sơn, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai             | 47.917.055    | 14.143.328    | 33.773.727    | 96  |

|     |                                                     |         |   |                                                                                 |             |             |             |     |
|-----|-----------------------------------------------------|---------|---|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-----|
| 176 | Công ty TNHH Nhất Linh 1                            | TA0716A |   | Số nhà 015 Ngõ Xí nghiệp in, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                       | 180.079.346 | 109.362.500 | 70.716.846  | 77  |
| 177 | Công ty TNHH TM dịch vụ XNK ánh Dương               | TA0726A | 1 | Số 130 Phố Lưu Hữu Phước, Bắc Lệnh, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai              | 49.531.232  | 45.049.957  | 4.481.275   | 33  |
| 178 | Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Xuân Phát | TA0730A |   | Lô 30, đường Thủ Dầu 1, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai         | 212.171.144 | 147.132.999 | 65.038.145  | 72  |
| 179 | Công ty TNHH MTV TM Hải Lưu                         | TA0732A | 1 | Số nhà 372, đường Nguyễn Huệ, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai                      | 686.183.132 | 441.715.249 | 244.467.883 | 110 |
| 180 | Công ty CP tư vấn kỹ thuật xây dựng Minh Đức        | TA0734A |   | Số nhà 027, đường Lê Đại Hành, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                     | 244.059.903 | 135.788.558 | 108.271.345 | 73  |
| 181 | Công ty TNHH Nhẫn Hồng Ngọc Việt                    | TA0736A |   | Lô 30, Khu CN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                       | 574.032.525 | 353.565.310 | 220.467.215 | 106 |
| 182 | Công ty CP kinh tế Kim Thành                        | TA0740A |   | Lô K35, Khu TM CN Kim Thành, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                       | 84.251.904  | 75.978.294  | 8.273.610   | 13  |
| 183 | Công ty TNHH thương mại xây dựng tổng hợp Hà Thành  | TA0743A | 3 | Số Nhà 145, đường Đăng Châu, tổ 4, (P. Cốc Lếu cũ), phường Lào Cai Tỉnh Lào Cai | 13.085.606  | 12.960.000  | 125.606     | 3   |
| 184 | Công ty TNHH MTV XD Gia Phú                         | TA0759A |   | Số nhà 144A, đường Hoàng Văn Thụ, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                  | 191.811.063 | 109.059.146 | 82.751.917  | 107 |
| 185 | Công ty TNHH tổng hợp Trung Gia Bảo                 | TA0780A |   | Số nhà 053, đường Hợp Thành, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                       | 72.427.412  | 59.716.940  | 12.710.472  | 60  |
| 186 | Công ty TNHH MTV Huân Long                          | TA0781A |   | Số nhà 056, đường Phan Chu Trinh, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                  | 156.638.383 | 85.946.352  | 70.692.031  | 120 |
| 187 | Công ty TNHH Tú Liên                                | TA0787A |   | Số nhà 411, đường Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                      | 406.024.866 | 313.009.749 | 93.015.117  | 88  |
| 188 | Công ty TNHH đầu tư và phát triển Việt Hải          | TA0792A |   | Đường M15 Lê Thanh, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                              | 30.632.529  | 28.813.001  | 1.819.528   | 21  |
| 189 | Công ty TNHH TM dịch vụ XNK Hải Dương               | TA0794A |   | Số nhà 187, đường Ngô Quyền, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                       | 95.789.846  | 83.683.226  | 12.106.620  | 68  |
| 190 | Công ty TNHH phát triển vận tải Miền Tây            | TA0796A | 7 | Số nhà 156, Đường Hàm Nghi, Tổ 10, Kim Tân, phường Lào Cai, Lào Cai. 0911159919 | 362.320.016 | 335.011.827 | 27.308.189  | 26  |
| 191 | Công ty TNHH MTV TM TH Ngọc Linh                    | TA0798A |   | Số nhà 039, đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                      | 61.508.703  | 51.274.120  | 10.234.583  | 53  |
| 192 | Công ty CP đầu tư quốc tế ASTON                     | TA0799A |   | Số nhà 028, đường Yết Kiêu, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                        | 443.100.116 | 314.742.773 | 128.357.343 | 110 |
| 193 | Công ty TNHH MTV Đầu Tư Xây Dựng Thái Long          | TA0804A |   | Số nhà 018A, đường Trần Bình Trọng, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                | 210.123.353 | 141.957.809 | 68.165.544  | 98  |

|     |                                                             |         |    |                                                                              |               |               |             |     |
|-----|-------------------------------------------------------------|---------|----|------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|-------------|-----|
| 194 | Công ty TNHH MTV XNK Tâm Dũng                               | TA0806A |    | Số nhà 042, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai             | 42.107.538    | 24.809.809    | 17.297.729  | 113 |
| 195 | Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Cát Minh                    | TA0813A |    | Số nhà 197 đường Trần Hưng Đạo, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai               | 26.175.522    | 24.436.650    | 1.738.872   | 14  |
| 196 | Công ty TNHH tư vấn thiết kế và giám sát Hoàng Long         | TA0815A |    | Số nhà 047A Phố Ban Mai, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                      | 248.242.397   | 156.293.342   | 91.949.055  | 71  |
| 197 | Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Bảo Sơn                  | TA0821A |    | Đường D4a, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                                    | 93.152.017    | 48.211.430    | 44.940.587  | 116 |
| 198 | Công ty Cổ phần Linh Anh Anh                                | TA0822A |    | Lô 2 Biệt thự số 10, tổ 8, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                    | 311.310.741   | 172.394.571   | 138.916.170 | 115 |
| 199 | Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Toàn Thắng               | TA0839A | 13 | SN 004, Đ.Hàm Nghi, (P.Kim Tân cũ), phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai. 0888391818 | 56.729.474    | 56.581.350    | 148.124     | 3   |
| 200 | Công ty TNHH tư vấn Kiến trúc xây dựng A & C                | TA0840A |    | Số nhà 025, đường Soi Tiền, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                     | 146.293.141   | 26.606.524    | 119.686.617 | 11  |
| 201 | Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu Thiên Lộc                | TA0852A |    | phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                                               | 27.726.377    | 19.100.690    | 8.625.687   | 78  |
| 202 | Công ty cổ phần Xây lắp Thủy lợi Thủy điện Lào Cai          | TA0853A | 3  | Số 053 đường Nhạc Sơn (Kim Tân), phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                | 10.005.219    | 10.004.993    | 226         | 3   |
| 203 | Công ty cổ phần Công trình Giao thông Lào Cai               | TA0857A | 4  | Số 109 Nhạc Sơn (Cốc Lếu), phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                      | 13.333.645    | 12.108.800    | 1.224.845   | 3   |
| 204 | Công ty cổ phần Tư vấn Kiến trúc quy hoạch xây dựng Lào Cai | TA0863A | 15 | Số 180 đường Cốc Lếu, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai                           | 180.300.202   | 84.552.115    | 95.748.087  | 6   |
| 205 | Công ty TNHH MTV Kiến trúc và Nội thất Đô thị mới           | TA0871A |    | Đường E17, tổ 3 Bắc Cường, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                    | 155.110.713   | 112.266.848   | 42.843.865  | 32  |
| 206 | Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Nhật Minh      | TA0875A | 3  | Số 268 đường Minh Khai, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                         | 32.427.099    | 31.756.524    | 670.575     | 6   |
| 207 | Công ty cổ phần Net Group                                   | TA0887A | 5  | Lô 34, đường Thủ Dầu Một, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai    | 1.437.660.108 | 1.057.253.003 | 380.407.105 | 77  |
| 208 | Công ty TNHH một thành viên Thương mại Tổng hợp Linh Anh    | TA0891A |    | Khu ĐBC số 2, thôn Tòng Mòn, xã Cốc San, tỉnh Lào Cai                        | 102.741.393   | 52.129.112    | 50.612.281  | 86  |
| 209 | Công ty TNHH Tổng hợp An Dân                                | TA0898A |    | Số nhà 125, đường Trần Đăng Ninh, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai               | 117.324.602   | 87.090.420    | 30.234.182  | 78  |
| 210 | Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Hoàng Minh LanĐ        | TA0908A | 1  | Số 14 đại lộ Trần Hưng Đạo, tổ 17 Bắc Lệnh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai   | 334.907.121   | 234.585.499   | 100.321.622 | 102 |

|     |                                                                  |         |    |                                                                                       |             |             |            |     |
|-----|------------------------------------------------------------------|---------|----|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|------------|-----|
| 211 | Công ty TNHH Thương mại một thành viên Việt Vương                | TA0912A |    | Số nhà 069, đường Nguyễn Khuyến, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                         | 107.713.536 | 70.084.803  | 37.628.733 | 46  |
| 212 | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu vận tải Thái Minh                    | TA0913A | 1  | Số Nhà 328, Đường Khánh Yên , Phường Lào Cai , Lào Cai                                | 187.001.167 | 140.001.835 | 46.999.332 | 78  |
| 213 | Chi nhánh Công ty cổ phần Nhẫn tại Lào Cai                       | TA0923A | 4  | Lô K5 Khu công nghiệp Đông Phố Mới, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                      | 19.069.255  | 18.492.160  | 577.095    | 4   |
| 214 | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Tài Nguyên xanh             | TA0934A | 1  | Số 285 đường Minh Khai, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai (sơn măn 2, vụn hòa)             | 80.603.255  | 70.445.241  | 10.158.014 | 45  |
| 215 | Công ty TNHH một thành viên Xây dựng và Thương mại Đại Thành Sơn | TA0940A | 8  | Số 062 đường Triệu Quang Phục (Lào Cai), phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                 | 38.796.247  | 38.601.940  | 194.307    | 3   |
| 216 | Công ty cổ phần Thương mại Đông Đô Việt                          | TA0944A | 1  | Lô F18 Khu Công nghiệp Đông Phố Mới, phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai                     | 56.296.414  | 51.200.000  | 5.096.414  | 32  |
| 217 | Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Bình An                           | TA0946A |    | Số nhà 033, phố Đoàn Thị Điểm, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                           | 172.833.557 | 137.901.232 | 34.932.325 | 68  |
| 218 | Công ty TNHH một thành viên Tư vấn xây dựng Đầu tư Lạc Việt      | TA0947A |    | Số nhà 023, đường Mã Yên Sơn, tổ 8 Pom Hán, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai            | 94.087.033  | 66.823.359  | 27.263.674 | 71  |
| 219 | Công ty TNHH một thành viên Văn Tĩnh                             | TA0948A | 7  | SN 1544 Đường Trần Phú - phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai            | 42.239.499  | 41.609.633  | 629.866    | 5   |
| 220 | Công ty trách nhiệm hữu hạn Diệp Chi                             | TA0950A |    | Số 167, đường Mường Than, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                                | 193.405.494 | 145.187.920 | 48.217.574 | 95  |
| 221 | Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Xây dựng Thế Anh              | TA0956A | 3  | Số 198 đường Hoàng Văn Thụ, Cốc Lếu, Phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                     | 21.286.581  | 21.123.023  | 163.558    | 5   |
| 222 | Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Sa Pa Lào Cai               | TA0958A | 24 | Số 24 Đại lộ Trần Hưng Đạo, Khu đô thị The Manor Eco+, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai | 96.130.440  | 95.769.806  | 360.634    | 3   |
| 223 | Công ty TNHH Phòng cháy Chữa cháy Lào Cai                        | TA0959A |    | Lô 21, đường E16, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                                      | 67.518.600  | 54.423.502  | 13.095.098 | 53  |
| 224 | Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Thương mại Quỳnh An      | TA0980A | 2  | Số nhà 059, đường Nguyễn Khang, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                          | 367.207.198 | 269.438.880 | 97.768.318 | 102 |
| 225 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng tổng hợp Vĩnh Phúc            | TA1000A |    | Số B1-06, đường An Dương Vương, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                          | 149.015.140 | 121.314.417 | 27.700.723 | 48  |
| 226 | Công ty TNHH một thành viên Tân An Thịnh Lào Cai                 | TA1001A |    | Đường A1, Khu CN bắc Duyên Hải, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai                          | 10.000.000  |             | 10.000.000 |     |
| 227 | Công ty TNHH Siêu Nhân Việt                                      | TA1015A |    | Số nhà 026, đường Nhạc Sơn, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                              | 31.690.001  | 23.252.244  | 8.437.757  | 34  |

|     |                                                                     |         |    |                                                                        |             |             |            |     |
|-----|---------------------------------------------------------------------|---------|----|------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|------------|-----|
| 228 | Công ty TNHH một thành viên vận tải Đắc Thành Lào Cai               | TA1017A |    | Số nhà 004, đường Trần Bình Trọng, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai        | 12.154.989  | 543.288     | 11.611.701 |     |
| 229 | Công ty TNHH một thành viên Tuân Linh                               | TA1019A |    | Số nhà 411, đường Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai             | 23.254.762  | 13.740.000  | 9.514.762  | 102 |
| 230 | Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Xây dựng Khánh Anh            | TA1022A |    | Số nhà 90 phố Ban Mai, KĐT The Manor, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai   | 17.085.094  | 10.449.346  | 6.635.748  | 51  |
| 231 | Công ty TNHH một thành viên Đầu tư xây dựng Hùng Mạnh               | TA1036A | 6  | Số 715, đường Lê Thanh, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                 | 23.059.576  | 23.037.337  | 22.239     | 3   |
| 232 | Công ty TNHH MTV Thương mại Vận tải Đông Á                          | TA1037A |    | Nhà bà Yên, thôn Cốc Tùm 2, xã Phong Niên, Huyện Bảo Thắng, Lào Cai    | 159.034.622 | 135.636.224 | 23.398.398 | 62  |
| 233 | Công ty TNHH một thành viên Quang Linh Lào Cai                      | TA1050A |    | Số nhà 022, đường Nguyễn Tri Phương, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai      | 153.914.762 | 100.003.800 | 53.910.962 | 11  |
| 234 | Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Xuất nhập khẩu Thành An         | TA1067A |    | Số nhà 012, phố Lê Ngọc Hân, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai              | 45.031.539  | 40.532.263  | 4.499.276  | 11  |
| 235 | Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Hoàng Tú                       | TA1069A |    | Số nhà 444, đường Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai             | 108.588.419 | 60.745.465  | 47.842.954 | 48  |
| 236 | Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Hoa Thịnh Việt Nam           | TA1074A |    | Số nhà 074, đường Hàm Nghi, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai               | 78.659.297  | 68.232.718  | 10.426.579 | 95  |
| 237 | Công ty TNHH Giáo dục Smart Edu                                     | TA1078A | 6  | Số 099, đường Hàm Nghi, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                   | 40.585.558  | 34.447.581  | 6.137.977  | 5   |
| 238 | Công ty TNHH một thành viên Phạm Gia Tym                            | TA1087A |    | Số nhà 040b, đường Hoàng Diệu, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai            | 230.764.837 | 174.260.570 | 56.504.267 | 11  |
| 239 | Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Hoàng Anh                          | TA1092A |    | Số nhà 047A, đường Đoàn Khuê, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai             | 58.618.541  | 49.614.544  | 9.003.997  | 56  |
| 240 | Công ty TNHH một thành viên Đầu tư xây dựng và Phát triển Thành Đạt | TA1100A | 13 | SN 287 Đại lộ Trần Hưng Đạo(Bắc Cường), phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai | 57.158.445  | 57.024.000  | 134.445    | 3   |
| 241 | Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Hương Giang                 | TA1102A |    | Số nhà 141, đường Minh Khai, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai              | 119.766.470 | 95.794.927  | 23.971.543 | 11  |
| 242 | Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng CĐT                                 | TA1106A |    | Số nhà 163, đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai             | 130.874.113 | 86.470.244  | 44.403.869 | 11  |
| 243 | Công ty TNHH một thành viên Khải Tiến                               | TA1107A |    | Số nhà 274, đường Nhạc Sơn, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai               | 71.226.888  | 63.975.902  | 7.250.986  | 61  |
| 244 | Công ty TNHH một thành viên Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hòa Phát     | TA1114A |    | Tổ 54 Kim Tân, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                            | 88.092.036  | 55.139.904  | 32.952.132 | 11  |
| 245 | Công ty TNHH MTV Thương mại & XNK Tuấn Linh                         | TA1116A |    | Số nhà 300, đường Bình Minh, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai            | 115.336.940 | 78.482.704  | 36.854.236 | 50  |

|     |                                                                                            |         |    |                                                                                            |             |             |            |    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|------------|----|
| 246 | Công ty Cổ phần quản lý Bến xe khách Lào Cai                                               | TA1118A | 13 | Tổ 13 Xuân Tăng, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai                                            | 42.786.812  | 42.516.915  | 269.897    | 3  |
| 247 | Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Quang Định                               | TA1120A |    | Lô 84, đường Hoàng Liên kéo dài, tổ 14 Bắc Cường, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai             | 86.187.236  | 67.330.000  | 18.857.236 | 56 |
| 248 | Chi Nhánh Tại Tỉnh Lào Cai - Công Ty Cổ Phần Phát Triển Viễn Thông Và Truyền Hình Việt Nam | TA1130A | 9  | Số nhà 09, đường Hoàng Hoa Thám, Cốc Lếu, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                     | 44.034.179  | 43.791.200  | 242.979    | 3  |
| 249 | Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp Thành Lộc                                                | TA1133A | 1  | Nhà Nguyễn Văn Hùng, đường D3, tổ 7, Nam Cường, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai, 0978398312 | 25.005.702  | 24.000.000  | 1.005.702  | 15 |
| 250 | Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu Việt Trung 68                                   | TA1134A |    | KM7, thôn Luồng Láo 2, xã Cốc San, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai                                | 123.991.603 | 106.361.623 | 17.629.980 | 44 |
| 251 | Công ty TNHH Ngọc Sơn                                                                      | TA1148A |    | Số nhà 52, đường Đỗ Quyên, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                                  | 98.008.724  | 85.616.664  | 12.392.060 | 37 |
| 252 | Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Cốc San                                                       | TA1151A |    | Số nhà 004, ngõ 288 phố Xuân Diệu, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                            | 44.418.000  | 28.164.034  | 16.253.966 | 71 |
| 253 | Công ty TNHH GTD Thuận Phát                                                                | TA1159A |    | Số 033, Phố Hoàng Lan, phường Bắc Cường, tỉnh Lào Cai                                      | 118.710.802 | 97.090.000  | 21.620.802 | 58 |
| 254 | Công ty TNHH Thương mại dịch vụ tổng hợp An Hoàng                                          | TA1164A |    | Số 85, Trần Đại Nghĩa, phường Duyên Hải, tỉnh Lào Cai                                      | 203.404.940 | 179.451.448 | 23.953.492 | 46 |
| 255 | Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư xây dựng Quang Huy                                           | TA1167A |    | Số nhà 441, Phòng 2, đường Trần Đại Nghĩa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                    | 56.988.400  | 43.185.832  | 13.802.568 | 65 |
| 256 | Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Thương mại Huy Phát                                    | TA1173A |    | Số nhà 004, đường Nhạc Sơn, phường Kim Tân, tỉnh Lào Cai                                   | 35.919.647  | 32.914.053  | 3.005.594  | 11 |
| 257 | Công ty TNHH một thành viên Việt Ý                                                         | TA1176A |    | Số 105, đường Quy Hóa, tổ 45 Kim Tân, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                         | 14.407.927  | 9.789.000   | 4.618.927  | 68 |
| 258 | Công ty TNHH một thành viên Hùng Mạnh Lào Cai                                              | TA1180A | 1  | Số 153, đường E17, tổ 04, Bắc cường, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                          | 114.288.206 | 92.722.150  | 21.566.056 | 70 |
| 259 | Công ty TNHH Mai Linh Lào Cai                                                              | TA1187A | 1  | Số nhà 122 Phú Thịnh, Tổ 20, Bắc Cường, phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai                     | 222.255.018 | 195.449.080 | 26.805.938 | 26 |
| 260 | Công ty Cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu Tùng Linh                                 | TA1200A |    | Số nhà 2, Lô 47, đường Tô Hiến Thành, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                         | 63.477.194  | 46.876.236  | 16.600.958 | 11 |
| 261 | Công ty TNHH Du lịch Quốc tế Lê Minh                                                       | TA1203A | 5  | Số 224, đường Hoàng Trường Minh, Bắc Cường, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                 | 16.581.256  | 16.298.146  | 283.110    | 3  |

|     |                                                            |         |     |                                                                                                              |               |               |            |    |
|-----|------------------------------------------------------------|---------|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|------------|----|
| 262 | Công ty Cổ phần miễn thuế HALO - Chi nhánh Lào Cai         | TA1211A |     | Lô C5, Khối C- Nhà kiểm soát liên ngành, Cửa khẩu QT đường bộ số II, Kim Thành, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai | 130.448.292   | 99.903.284    | 30.545.008 | 11 |
| 263 | Công ty cổ phần tập đoàn GREENSPARK                        | TZ0058Z | 17  | Số 157 đường Nhạc Sơn, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                                                          | 169.739.880   | 169.154.308   | 585.572    | 3  |
| 264 | Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Minh Đức                    | TZ0064Z | 185 | Số 79 B - Đường Quy Hóa, Phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                                                        | 1.500.582.107 | 1.492.205.500 | 8.376.607  | 4  |
| 265 | Chi nhánh Lào Cai- Công ty CP VTDL Hà Sơn                  | TZ0090Z | 35  | Tổ 13 Xuân Tăng, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai                                                              | 144.285.613   | 143.410.223   | 875.390    | 3  |
| 266 | Công ty TNHH MTV xây dựng Nhật Minh                        | TZ0124Z | 9   | SN 045 , phố đoàn khuê , (phường kim tân cũ) , phường Lào Cai , Tỉnh Lào Cai                                 | 45.221.817    | 44.917.597    | 304.220    | 4  |
| 267 | Công ty TNHH MTV Hoàng Thủy                                | TZ0130Z |     | Trạm Thái, Xã Hợp Thành, tỉnh Lào Cai                                                                        | 65.108.128    | 51.082.272    | 14.025.856 | 11 |
| 268 | Công ty TNHH Thiên Thiên Đạt                               | TZ0131Z | 1   | Số nhà 016, đường Lạc Sơn, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                                                    | 307.936.639   | 234.744.563   | 73.192.076 | 60 |
| 269 | Công ty TNHH giải pháp công nghệ an ninh Tây Bắc           | TZ0134Z | 1   | Số nhà 014 đường Ngô Quyền, phường Cam Đường                                                                 | 66.815.229    | 62.899.274    | 3.915.955  | 10 |
| 270 | Công ty CP Thương Mại Xây Dựng Đức Giang                   | TZ0152Z |     | SN 192 Đ. Phú Thịnh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai -0979293940                                              | 36.512.647    | 31.458.000    | 5.054.647  | 26 |
| 271 | Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và thương mại Tân Á Châu   | TZ0153Z |     | Số nhà 039 Đặng Thái Thân, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                                                    | 69.550.822    | 62.562.811    | 6.988.011  | 11 |
| 272 | Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng Gia Phú | TZ0155Z | 1   | Lô 47 đường Tô Hiến Thành, KCN Bắc Duyên Hải, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai                                   | 36.216.238    | 34.125.000    | 2.091.238  | 21 |
| 273 | Công ty cổ phần đầu tư giáo dục HDT                        | TZ0158Z | 34  | SN 22 đường Hoàng Lan, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                                                        | 1.125.900.233 | 1.028.500.242 | 97.399.991 | 21 |
| 274 | Công ty CP đầu tư xây dựng Phương Bắc                      | TZ0162Z | 1   | Số 195, Đ. Hoàng Trường Minh, Phường Bắc Cường, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai                                     | 60.297.220    | 49.642.073    | 10.655.147 | 16 |
| 275 | Công ty TNHH MTV Giáo dục đào tạo Hữu Đăng                 | TZ0174Z | 11  | SN 004 - Cù Chính Lan - Phường Cam Đường - tỉnh Lào Cai                                                      | 53.257.125    | 52.892.850    | 364.275    | 4  |
| 276 | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Ngọc An                       | TZ0175Z |     | Số nhà 093, đường Nguyễn Khuyến, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                                                | 42.354.148    | 36.942.761    | 5.411.387  | 11 |
| 277 | Công ty cổ phần tập đoàn Thiên Hà                          | TZ0176Z |     | Số nhà 195 Hoàng Trường Minh, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                                                 | 301.543.541   | 216.077.357   | 85.466.184 | 70 |
| 278 | Công ty TNHH MTV Thương mại xây dựng Hoàng Hà              | TZ0179Z | 1   | Số nhà 029, Đường Hồ Tùng Mậu, Lào Cai, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                                         | 119.762.805   | 96.415.200    | 23.347.605 | 71 |

|     |                                                  |         |    |                                                                                      |             |             |            |    |
|-----|--------------------------------------------------|---------|----|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|------------|----|
| 279 | Công ty TNHH thương mại XNK An Phát              | TZ0182Z | 1  | SN 051 , Đường Đỗ Quyên, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai                              | 48.132.309  | 45.240.000  | 2.892.309  | 15 |
| 280 | Công ty TNHH MTV xe điện Việt Đức                | TZ0185Z |    | số nhà 300, đường Hoàng Liên, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai                           | 52.603.878  | 36.045.000  | 16.558.878 | 18 |
| 281 | Công ty Cổ Phần TMTĐ Đại Thanh                   | TZ0200Z |    | Số nhà 087, đường Võ Nguyên Giáp, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                     | 184.447.777 | 145.336.800 | 39.110.977 | 46 |
| 282 | Công ty TNHH MTV S-HOME                          | TZ0205Z | 13 | Số 95-97 Đại lộ Trần Hưng Đạo, Bắc Cường, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai             | 113.414.003 | 110.119.385 | 3.294.618  | 7  |
| 283 | Công ty CP SX XNK Đông Á                         | TZ0247Z | 70 | Tầng 2 tòa nhà Công ty Đông Á, đường Bà Triệu, Kim Tân, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai | 217.431.313 | 215.370.665 | 2.060.648  | 3  |
| 284 | Công ty TNHH Habohome                            | TZ0304Z | 16 | Số 098, đường Nguyễn An Ninh, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                           | 212.424.302 | 207.249.232 | 5.175.070  | 6  |
| 285 | Công ty TNHH MTV thương mại Bình Minh            | TZ0306Z | 13 | Số nhà 424, đường Trần Đại Nghĩa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                       | 41.737.462  | 41.588.213  | 149.249    | 3  |
| 286 | Công ty TNHH MTV Thành Công Anh                  | TZ0316Z | 4  | Số nhà 123, đường Trần Thị Lan, tổ 13 Bắc Cường, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai      | 27.252.542  | 26.949.100  | 303.442    | 5  |
| 287 | Công ty TNHH TM Kim Tượng                        | TZ0319Z |    | Số nhà 056, đường Hưng Hóa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                             | 75.884.404  | 65.600.274  | 10.284.130 | 42 |
| 288 | Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Quang Long      | TZ0328Z | 3  | SN 034, đại lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                         | 13.712.928  | 13.679.784  | 33.144     | 3  |
| 289 | Công ty TNHH MTV Thương Mại Vận Tải 279          | TZ0335Z | 8  | Số nhà 044, đường Nguyễn Đức Cảnh, tổ 8, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                | 39.727.296  | 39.592.014  | 135.282    | 3  |
| 290 | Công ty TNHH MTV XD&TM Trung Quân                | TZ0337Z |    | Số nhà 148, đường Tôn Thất Thuyết, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                      | 32.200.133  | 28.951.955  | 3.248.178  | 48 |
| 291 | Công ty TNHH MTV Ngọc Linh PANAX VIETNAMENSIS    | TZ0347Z | 2  | Số nhà 032, Phố Phan Đình Phùng, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                        | 14.132.336  | 14.132.336  | 0          | 5  |
| 292 | Công ty TNHH Đầu tư thương mại tổng hợp Phú Hưng | TZ0349Z | 1  | Số 857 , Đường Lê Thanh , Nam Cường , Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                 | 20.399.688  | 19.611.416  | 788.272    | 14 |
| 293 | Công ty TNHH MTV Đầu Tư xây dựng Trường Sơn      | TZ0360Z | 6  | SN 073A, đường Nhạc Sơn, Phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                                | 31.698.019  | 31.621.760  | 76.259     | 3  |
| 294 | Công ty TNHH Một Thành Viên Thịnh Phát 599       | TZ0366Z | 5  | SN 599 Đ. Trần Phú, Bắc Cường, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai,0974838858             | 26.919.094  | 26.735.618  | 183.476    | 3  |
| 295 | Công ty TNHH Quế Thái Tuấn                       | TZ0380Z | 4  | Thôn 4, Nậm Dạng, xã Văn Bàn, tỉnh Lào Cai                                           | 24.313.125  | 24.089.600  | 223.525    | 4  |

|     |                                                              |         |    |                                                                                     |             |             |            |    |
|-----|--------------------------------------------------------------|---------|----|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|------------|----|
| 296 | Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ siêu thị số 24/7 DELIVERY | TZ0383Z | 1  | SN 259, đường Nguyễn Huệ, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai                              | 95.615.613  | 85.577.788  | 10.037.825 | 35 |
| 297 | Công ty TNHH DVTM Vận Tải Đức Hiếu                           | TZ0392Z |    | Số nhà 029 Lê Văn Thiêm, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                             | 51.446.961  | 38.871.000  | 12.575.961 | 11 |
| 298 | Công ty TNHH Phát triển giáo dục ATN                         | TZ0405Z |    | Số nhà 313, đường Điện Biên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                           | 162.801.791 | 138.956.000 | 23.845.791 | 11 |
| 299 | Công ty TNHH giải pháp công nghệ vùng trời số 5 sao          | TZ0406Z | 2  | SN 085, đường Ngô Quyền kéo dài, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai                     | 78.376.592  | 74.390.000  | 3.986.592  | 11 |
| 300 | Công ty TNHH MTV XD&TM Hải Nam                               | TZ0410Z | 3  | Lô 03,LK13, đường F5, TKĐT số 5, Tổ 20 Bắc Cường, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai    | 16.399.086  | 16.320.000  | 79.086     | 3  |
| 301 | Công ty TNHH đầu tư xây dựng Quang Tráng                     | TZ0423Z | 2  | số 764, đường Trần Phú (Nam Cường), Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                  | 10.007.667  | 9.984.423   | 23.244     | 3  |
| 302 | Công ty TNHH MTV Vận Tải Minh Thành Lào Cai                  | TZ0430Z | 18 | SN 059 Hoàng Lan, KĐT Bitexco, Bắc Cường, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai            | 32.663.260  | 32.640.000  | 23.260     | 3  |
| 303 | Công ty cổ phần xây dựng 293                                 | TZ0438Z | 4  | Tầng 2 SN271, Đ. Lê Thanh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                           | 27.675.012  | 27.447.160  | 227.852    | 5  |
| 304 | Công ty TNHH MTV thương mại Đại An                           | TZ0444Z |    | Lô số 14, đường A4 và đường KN2, cụm CN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai | 291.593.318 | 239.408.887 | 52.184.431 | 46 |
| 305 | Công ty TNHH chống Thấm và hóa chất Hùng Xuyên               | TZ0452Z | 1  | SN 281, đường Lê Thanh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                              | 69.038.149  | 60.310.714  | 8.727.435  | 32 |
| 306 | Công ty TNHH TMVT và DV Phúc Hưng                            | TZ0461Z |    | Số nhà 1043, đường Trần Phú, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                         | 57.169.030  | 46.548.600  | 10.620.430 | 27 |
| 307 | Công ty TNHH XDTM dịch vụ An Phúc                            | TZ0462Z |    | Số nhà 183, Đường Minh Khai, tổ 11, Phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                    | 17.640.089  | 13.620.000  | 4.020.089  | 26 |
| 308 | Công ty TNHH Đại Lý Thuế Lào Cai                             | TZ0472Z | 13 | SN 029 Chế Lan Viên, tổ 09, (Phường Bắc Lệnh cũ), Phường Cam Đường tỉnh Lào Cai     | 47.841.790  | 47.756.894  | 84.896     | 3  |
| 309 | Công ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Phú Quý Lào Cai         | TZ0512Z | 2  | Số nhà 028, Phố Cao Xuân Quế , Phường Nam Cường , phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai    | 22.431.586  | 22.158.467  | 273.119    | 6  |
| 310 | CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ - DUỢC LINH DƯƠNG                        | TZ0526Z | 1  | Số nhà 012 Lê Thanh, Bắc Cường , phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai                     | 52.434.980  | 48.000.000  | 4.434.980  | 30 |
| 311 | CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH QUỐC TẾ HOÀNG LIÊN SƠN              | TZ0534Z | 6  | Số nhà 015, Đường Nguyễn Huệ, (Phường Lào Cai cũ),Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai      | 17.342.928  | 17.299.333  | 43.595     | 3  |

|     |                                                    |         |    |                                                                                   |             |             |           |    |
|-----|----------------------------------------------------|---------|----|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-----------|----|
| 312 | Công ty TNHH Tổng hợp AZ                           | TZ0545Z |    | BT-03, đường An Dương Vương, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                         | 10.829.423  | 8.595.000   | 2.234.423 | 11 |
| 313 | Công ty TNHH Thương mại Thành Nhật                 | TZ0564Z |    | Số nhà 69, đường Trần Đăng Ninh, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                     | 65.165.224  | 59.220.000  | 5.945.224 | 24 |
| 314 | Công ty TNHH Kinh doanh XNK Lương Sơn              | TZ0566Z |    | Số nhà 033 đường Lê Lợi, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                             | 28.720.539  | 26.050.000  | 2.670.539 | 11 |
| 315 | Công ty TNHH thương mại CTH Lào Cai                | TZ0583Z |    | Ki ốt Số 63, chợ Phố Mới, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                            | 10.815.809  | 9.600.000   | 1.215.809 | 11 |
| 316 | Công ty TNHH MTV XNK Hùng Đạt                      | TZ0592Z | 2  | Số 033 Nguyễn Khuyến, Cốc Lều, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                       | 69.119.362  | 63.992.050  | 5.127.312 | 11 |
| 317 | Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Vinh Phát           | TZ0606Z |    | Đường Đinh Bộ Lĩnh, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                                  | 31.922.421  | 30.182.336  | 1.740.085 | 11 |
| 318 | Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Vinh Nguyên | TZ0607Z | 2  | 078 Phạm Văn Xảo, thôn Hồng Giang (xã Vạn Hòa cũ), phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai   | 39.824.775  | 36.824.393  | 3.000.382 | 11 |
| 319 | Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Sơn Tùng           | TZ0675Z |    | số nhà 469, tổ 4 Bình Minh, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                        | 32.431.848  | 28.362.282  | 4.069.566 | 28 |
| 320 | Công ty TNHH MTV XNK Lưu Gia                       | TZ0686Z | 3  | SN 045, đường Thanh Niên, Phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                            | 18.759.650  | 18.648.000  | 111.650   | 3  |
| 321 | Công ty TNHH 11168 Nhạc Sơn                        | TZ0700Z | 7  | 168 Nhạc Sơn , Kim Tân , Phường Lào Cai , Lào Cai                                 | 34.643.737  | 34.560.000  | 83.737    | 3  |
| 322 | Công ty TNHH TMDV. du lịch và truyền thông Sa Pa   | TZ0727Z | 1  | 011 đại lộ Trần Hưng Đạo, (phường Bắc Cường cũ), phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai   | 32.234.568  | 28.798.199  | 3.436.369 | 11 |
| 323 | Công ty cổ phần kinh doanh dịch vụ LIBERTY Lào Cai | TZ0750Z | 29 | SN 311 đường Hoàng Liên, Kim Tân, Phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                    | 128.691.682 | 127.659.429 | 1.032.253 | 3  |
| 324 | Công ty TNHH MTV Thiết kế kiến trúc AC             | TZ0756Z | 3  | SN 046 Phố Bích Đào, Bắc Cường, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai                    | 14.000.641  | 13.959.400  | 41.241    | 3  |
| 325 | Công ty Cổ Phần Dương Quảng An                     | TZ0766Z |    | Tầng 3, tòa nhà Phương Đông, Đại lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai | 93.209.154  | 86.486.580  | 6.722.574 | 11 |
| 326 | Công ty cổ phần vận tải du lịch Hà Sơn - Lào Cai   | TZ0771Z | 81 | Tổ 13 Xuân Tăng, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai                                   | 353.103.566 | 347.600.088 | 5.503.478 | 3  |
| 327 | Công ty TNHH MTV Thương Mại Bảo Lâm                | TZ0799Z | 8  | Lô 29, đường Thủ Dầu Một, Khu CN Bắc Duyên Hải, Phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai      | 55.102.629  | 53.762.439  | 1.340.190 | 5  |
| 328 | Công ty TNHH TM và XNK Quỳnh Anh                   | TZ0816Z | 5  | Số 247 đường Lê Thanh , Phường Cam Đường , Tỉnh Lào Cai                           | 26.446.767  | 26.169.332  | 277.435   | 4  |

|     |                                                        |         |    |                                                                            |             |             |           |     |
|-----|--------------------------------------------------------|---------|----|----------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-----------|-----|
| 329 | Công ty TNHH TH Nam Hải                                | TZ0862Z | 6  | Lô 47, đường N2, Phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                              | 19.932.361  | 19.887.682  | 44.679    | 3   |
| 330 | Công ty TNHH xây dựng dân dụng và công nghiệp Hợp Lực  | TZ0864Z | 5  | LK3 , Số 28 Đại lộ Trần Hưng Đạo, tổ 14, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai    | 44.877.720  | 44.640.000  | 237.720   | 3   |
| 331 | Công ty Cổ phần Musa Golden Lào Cai                    | TZ0875Z |    | Số 2074 đường Trần Phú, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                     | 13.136.463  | 12.383.981  | 752.482   | 9   |
| 332 | Công ty TNHH Nông sản Thảo San                         | TZ0882Z | 2  | Số 087, đường Nguyễn Trung Trực, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai              | 12.381.275  | 12.321.650  | 59.625    | 4   |
| 333 | Công ty TNHH Fox-Tech                                  | TZ0887Z | 3  | Số nhà 029, đường Mạc Đăng Dung, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai            | 17.321.869  | 17.280.000  | 41.869    | 3   |
| 334 | Công ty CP Tư vấn thiết kế và thi công nội thất Aurora | TZ0957Z | 6  | Số nhà 10-12 Đường Võ Nguyên Giáp, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai          | 21.181.946  | 21.120.000  | 61.946    | 4   |
| 335 | Công ty TNHH Đầu tư phát triển Tiến Đồng               | TZ0966Z | 3  | Số 105, đường Hoàng Quy, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai                    | 10.080.204  | 10.080.000  | 204       | 3   |
| 336 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ PHÚC LONG            | TZ1005Z | 4  | Số nhà 082 Nguyễn Bình Khiêm, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                 | 44.275.087  | 43.078.315  | 1.196.772 | 9   |
| 337 | DNTN Tuyết Nga - TP Yên Bái                            | TA0057A |    | P Minh Tân - TP Yên Bái - T Yên Bái                                        | 34.128.590  | 32.301.064  | 1.827.526 | 160 |
| 338 | Công ty TNHH thương mại vận tải Hải Nga                | TA0059A | 31 | Số 400. Nguyễn thái học. Phường Yên Bái - Tỉnh Lào Cai                     | 109.231.877 | 109.136.100 | 95.777    | 3   |
| 339 | Cty TNHH Thanh Hương - TP Yên Bái                      | TA0075A |    | P Hồng Hà - TP Yên Bái - T Yên Bái                                         | 11.322.489  | 9.931.693   | 1.390.796 | 184 |
| 340 | Doanh Nghiệp Tư Nhân Mạnh Hà - TP Yên Bái              | TA0088A |    | Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                                               | 38.452.754  | 30.253.413  | 8.199.341 | 151 |
| 341 | Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng 8            | TA0125A | 2  | SN 298, ngõ 392, đường Yên Ninh Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai, Tỉnh Yên Bái | 50.687.279  | 49.740.288  | 946.991   | 8   |
| 342 | Công ty TNHH Hoàng Phú Đức                             | TA0151A | 6  | Tổ 45 Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai                                         | 17.127.803  | 17.030.233  | 97.570    | 3   |
| 343 | CTy TNHH Thương Mại & DV F86                           | TA0187A |    | P Hồng Hà - TP Yên Bái - T Yên Bái                                         | 12.744.394  | 12.418.347  | 326.047   | 153 |
| 344 | Công ty TNHH công nghệ thông tin Phúc Long             | TA0242A |    | tổ 43 - phường Minh Tân - Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái                 | 63.058.424  | 55.585.653  | 7.472.771 | 131 |
| 345 | Cty cổ phần chè Minh Thịnh Tỉnh Yên Bái                | TA0260A | 7  | Phường Nam Cường, tỉnh Lào Cai                                             | 19.970.270  | 19.522.100  | 448.170   | 3   |

|     |                                                                     |         |     |                                                                                 |             |             |            |     |
|-----|---------------------------------------------------------------------|---------|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|------------|-----|
| 346 | Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng CCS                          | TA0277A | 10  | Số 298 ngõ 392 tổ 7 Đường Yên Ninh, Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                | 142.946.098 | 140.643.688 | 2.302.410  | 7   |
| 347 | Công ty cổ phần tư vấn Thiết Kế Thủy Lợi - Thủy điện Yên Bái        | TA0278A | 6   | Số 38, TDP Đồng Tâm 2, đường Lý Tự Trọng, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai          | 22.253.002  | 21.999.889  | 253.113    | 3   |
| 348 | Công ty TNHH Quốc Tế Nguyễn Hoàng                                   | TA0292A |     | SN 359, đường Điện Biên, Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                           | 30.793.316  | 28.747.875  | 2.045.441  | 127 |
| 349 | Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại VNET          | TA0301A |     | Tổ 32C- Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai                                            | 19.965.205  | 17.236.213  | 2.728.992  | 119 |
| 350 | VPĐH tại Yên Bái Công ty HH khoáng nghiệp Uy Lực Nam Bắc-Vân Nam-TQ | TA0305A |     | Số 332- đường Lý Thường Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                            | 44.602.828  | 42.668.925  | 1.933.903  | 142 |
| 351 | Công ty TNHH TM&XD Tiến Trường                                      | TA0314A | 13  | SN 217, đường Lê Lợi, TDP Yên Ninh 11Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai               | 47.470.834  | 47.172.087  | 298.747    | 3   |
| 352 | Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Linh Dũng                           | TA0329A |     | Số 8A, ngõ 199, đường Trần Phú, tổ 8,phường Yên Thịnh, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái | 41.583.319  | 38.557.714  | 3.025.605  | 83  |
| 353 | Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Đại Thành Yên Bái                | TA0356A | 2   | SN 262 - Đường Quang Trung - P Đồng Tâm - TP Yên Bái - T Yên Bái                | 17.631.402  | 17.394.944  | 236.458    | 6   |
| 354 | Công ty TNHH đầu tư xây dựng và chế biến lâm sản Yên Bái            | TA0385A |     | Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai                                                    | 17.956.048  | 14.061.227  | 3.894.821  | 105 |
| 355 | Công ty TNHH Đại Cát                                                | TA0398A |     | Tổ 2A, Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                                             | 63.618.281  | 58.989.782  | 4.628.499  | 98  |
| 356 | Công ty TNHH sản xuất gạch không nung Ngọc Anh                      | TA0406A |     | Tổ 12A, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái                       | 32.620.033  | 23.103.872  | 9.516.161  | 110 |
| 357 | Công ty TNHH thương mại và du lịch Hoàng Liên                       | TA0414A |     | Số 217, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái                        | 12.531.526  | 11.534.974  | 996.552    | 99  |
| 358 | Công ty TNHH An Sinh HK                                             | TA0466A | 158 | Phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai                                                    | 431.498.918 | 430.195.131 | 1.303.787  | 3   |
| 359 | Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Hưng Long                           | TA0477A |     | Đường Yên Ninh, Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                                    | 44.717.182  | 40.834.845  | 3.882.337  | 53  |
| 360 | Công ty TNHH giáo dục Tây Bắc Hà                                    | TA0492A |     | SN 1035, đường Yên Ninh, Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                           | 42.307.572  | 27.648.160  | 14.659.412 | 72  |
| 361 | Công ty cổ phần dịch vụ và thương mại HDT Việt Nam                  | TA0530A |     | SN 1006, Đường Điện Biên, Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                          | 21.216.901  | 15.027.285  | 6.189.616  | 61  |
| 362 | Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thủy Hằng                        | TA0541A |     | Tầng 2, SN14, đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Yên Bái - T. Lào Cai                | 42.250.007  | 38.116.230  | 4.133.777  | 14  |
| 363 | Công ty cổ phần Global Plastic                                      | TA0543A | 44  | KCN phía nam, Phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai                                      | 151.760.146 | 137.060.837 | 14.699.309 | 3   |

|     |                                                       |         |    |                                                                   |               |             |               |     |
|-----|-------------------------------------------------------|---------|----|-------------------------------------------------------------------|---------------|-------------|---------------|-----|
| 364 | Cty cổ phần Xây lắp thủy lợi, thủy điện - Yên Bái     | TZ0001Z | 1  | Ngõ 392, tổ 7 đường Yên Ninh, P. Yên Bái - T. Lào Cai             | 1.778.737.133 | 634.339.006 | 1.144.398.127 | 105 |
| 365 | Công ty cổ phần in Yên Bái                            | TZ0038Z | 4  | Phường Văn Phú - T. Lào Cai                                       | 21.465.848    | 21.094.142  | 371.706       | 4   |
| 366 | Công ty CP xây lắp và SXCN                            | TZ0040Z |    | Phường Yên Bái - T. Lào Cai                                       | 1.819.548.065 | 831.114.663 | 988.433.402   | 182 |
| 367 | Công ty TNHH Trường Phú                               | TZ0065Z | 8  | TDP Minh Tân, Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                        | 30.380.598    | 30.320.625  | 59.973        | 3   |
| 368 | Công ty TNHH Du lịch và TM Hồng Nhung                 | TZ0067Z |    | TDP Đồng Tâm, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                        | 479.831.938   | 105.499.935 | 374.332.003   | 111 |
| 369 | Cty TNHH Dung Bắc                                     | TZ0068Z | 18 | Phường Văn Phú - T. Lào Cai                                       | 52.588.426    | 51.176.039  | 1.412.387     | 3   |
| 370 | Công ty TNHH Trọng Khánh                              | TZ0094Z |    | Số 94 đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai         | 41.118.672    | 37.230.550  | 3.888.122     | 187 |
| 371 | Công ty TNHH Sông Hồng                                | TZ0110Z | 3  | số nhà 1195, đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai         | 40.698.687    | 39.795.009  | 903.678       | 8   |
| 372 | Công ty TNHH Mai Linh Yên Bái                         | TZ0113Z | 1  | số nhà 39, đường Lê Lợi, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai.            | 139.900.986   | 118.768.447 | 21.132.539    | 24  |
| 373 | Công ty TNHH Đầu tư sản xuất và Thương mại Thiên Việt | TZ0129Z | 5  | Số 270 đường Hoàng Quốc Việt ,Tổ 5 - Phường Âu Lâu - tỉnh Lào Cai | 103.507.222   | 99.124.800  | 4.382.422     | 15  |
| 374 | Công ty cổ phần đá Bình Minh                          | TZ0142Z | 38 | Khu Công nghiệp phía nam, Phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai            | 233.959.214   | 231.412.556 | 2.546.658     | 5   |
| 375 | Công ty cổ phần Phúc Đạt YB                           | TZ0146Z |    | TDP Bình Sơn, Phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai                        | 96.626.583    | 81.452.361  | 15.174.222    | 68  |
| 376 | Công ty TNHH nhà đất 191                              | TZ0148Z | 2  | Tổ 3, P. Phường Yên Bái - T. Lào Cai                              | 176.175.365   | 160.603.065 | 15.572.300    | 30  |
| 377 | Công ty CP dịch vụ TMXD Hoàng Đại Phát                | TZ0156Z |    | Tổ 10, Trần Phú Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai                      | 42.170.640    | 40.170.959  | 1.999.681     | 62  |
| 378 | Công ty TNHH Yên Ngọc YB                              | TZ0161Z | 1  | Khu CN phía Nam, xã Văn Phú, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái             | 11.669.816    | 11.299.300  | 370.516       | 7   |
| 379 | Công ty TNHH thương mại và xây dựng Nguyên Phong      | TZ0178Z | 4  | SN 625, đường Điện Biên, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai             | 34.024.943    | 33.442.317  | 582.626       | 6   |
| 380 | Công ty Cổ phần CIE Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái      | TZ0179Z | 3  | Số 01 đường Nguyễn Văn Cừ, P. Yên Bái - T. Lào Cai                | 280.472.134   | 231.422.165 | 49.049.969    | 55  |
| 381 | Công ty TNHH tư vấn XD và thương mại Phạm Gia         | TZ0183Z | 3  | Ngõ 267, tổ 3, Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                       | 14.420.858    | 14.205.264  | 215.594       | 3   |
| 382 | Công ty TNHH AD ENGLISH                               | TZ0185Z | 7  | Căn PG1-16 Vincom Plaza, Phường Yên Bái, Lào Cai, Việt Nam        | 20.350.989    | 20.303.483  | 47.506        | 3   |

|     |                                                                      |         |    |                                                                                                                |             |             |            |    |
|-----|----------------------------------------------------------------------|---------|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|------------|----|
| 383 | Công ty cổ phần du lịch - thương mại và dịch vụ Khôi Nguyên          | TZ0222Z | 3  | SN 4, Đ. Trần Phú, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                                                                | 72.262.420  | 63.940.356  | 8.322.064  | 30 |
| 384 | Công ty TNHH xây dựng Việt Dương CITY                                | TZ0271Z | 5  | Số nhà 765 đường Yên NinhPhường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                                                          | 45.364.501  | 43.423.126  | 1.941.375  | 5  |
| 385 | Công ty TNHH An Đại Phát YB                                          | TZ0305Z | 11 | Ngõ 433, đường Đinh Tiên Hoàng, tổ dân phố 01, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai                                    | 32.320.000  | 32.099.750  | 220.250    | 3  |
| 386 | Công ty TNHH TM Vạn Đạt Việt Nam                                     | TZ0317Z | 1  | Khu công nghiệp phía nam, Phường Văn Phú, Tỉnh Lào Cai                                                         | 91.111.825  | 77.740.158  | 13.371.667 | 43 |
| 387 | Công ty cổ phần nhựa LTT                                             | TZ0319Z | 3  | Tầng 2A nhà 21B4, Khu đô thị thành phố Giao Lưu, 234 Phạm Văn Đồng. phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội | 55.972.972  | 54.851.929  | 1.121.043  | 8  |
| 388 | Công ty cổ phần giáo dục NYE                                         | TZ0338Z | 3  | Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                                                                                   | 106.505.945 | 97.922.859  | 8.583.086  | 24 |
| 389 | Công ty cổ phần NYA                                                  | TZ0341Z | 1  | Sn 98, đường Lê Văn Tám, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                                                          | 12.900.201  | 12.225.969  | 674.232    | 8  |
| 390 | Công ty TNHH DVBV Quang Minh TC                                      | TZ0368Z | 17 | Số 272 đường Kim Đồng, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai                                                            | 61.290.827  | 60.844.633  | 446.194    | 3  |
| 391 | Công ty TNHH hóa mỹ phẩm GB Group Việt Nam                           | TZ0439Z |    | Số 615 đường Ngô Minh Loan, tổ 1, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai                                                  | 27.292.667  | 26.229.500  | 1.063.167  | 9  |
| 392 | Công ty cổ phần đầu tư và phát triển dự án Quang Vinh                | TZ0463Z | 2  | SN 289, đường Lê Hồng Phong, Phường Yên Bái - T. Lào Cai                                                       | 20.794.803  | 19.630.065  | 1.164.738  | 7  |
| 393 | Công ty cổ phần viện khoa học giáo dục an toàn Việt Nam - CN Tây Bắc | TZ0532Z | 7  | SN 411A Trần Phú, tổ 8, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai                                                           | 37.528.707  | 37.261.280  | 267.427    | 4  |
| 394 | Công ty cổ phần doanh nghiệp xã hội Tài Đức                          | TZ0537Z | 6  | Thôn Đồng Quýt, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai                                                                    | 123.124.346 | 117.341.029 | 5.783.317  | 15 |
| 395 | Công ty cổ phần lâm nghiệp Hòa Phát                                  | TZ0547Z | 1  | TDP Vạn Xuân, Phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai                                                                     | 16.133.126  | 15.779.406  | 353.720    | 9  |
| 396 | Công ty TNHH An Phát Lào Cai                                         | TZ0556Z | 1  | SN 401, đường Nguyệt Tất Thành, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai                                                   | 17.911.651  | 17.276.730  | 634.921    | 12 |
| 397 | Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Cường Anh                 | TZ0562Z | 4  | TDP Bình Trà, Phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai                                                                      | 11.315.424  | 11.274.350  | 41.074     | 3  |
| 398 | Công ty TNHH tập đoàn 89 Sông Quê                                    | TZ0570Z | 2  | Thôn Xóm Soi, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai                                                                      | 25.810.174  | 25.152.000  | 658.174    | 10 |
| 399 | Công ty TNHH Kiến trúc nội thất huynh đệ                             | TZ0629Z | 1  | Số 6 ngõ 177 đường Trần Bình Trọng, Phường Nam Cường, tỉnh Lào Cai                                             | 11.556.670  | 11.340.288  | 216.382    | 8  |

|     |                                                              |         |     |                                                                                  |               |               |             |    |
|-----|--------------------------------------------------------------|---------|-----|----------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|-------------|----|
| 400 | Điều chỉnh lãi 0,03%/ ngày                                   | TZ0700Z |     | BHXX tỉnh Lào Cai                                                                | 982.205.366   |               | 982.205.366 |    |
| 401 | Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật điện tử Hòa Bình | TZ0702Z | 7   | Đường Trương Quyền, TDP Yên Ninh 12, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                | 39.909.190    | 39.692.800    | 216.390     | 4  |
| 402 | Công ty cổ phần thương mại du lịch Miền Tây                  | TB0017B |     | Thị Xã Nghĩa Lộ - Tỉnh Yên Bái                                                   | 28.453.501    | 18.507.315    | 9.946.186   | 95 |
| 403 | Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Liêm Thúy             | TB0038B | 7   | Phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai                                                   | 22.895.580    | 22.555.147    | 340.433     | 3  |
| 404 | Công ty TNHH Tổng hợp XDTMDV Tây Bắc                         | TB0047B |     | Tổ 3, phường Tân An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái                               | 25.269.786    | 24.183.734    | 1.086.052   | 67 |
| 405 | Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Trường Đức YB             | TB0048B | 139 | Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai                                                    | 1.430.887.773 | 1.405.998.305 | 24.889.468  | 7  |
| 406 | Công ty TNHH MTV Như Tín                                     | TB0055B |     | Tổ 7, phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái                             | 13.419.746    | 10.080.000    | 3.339.746   | 47 |
| 407 | Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Golden Dragon Nghĩa Lộ    | TB0056B | 10  | Tổ 8 - Xã Nghĩa Lộ - Thị xã Nghĩa Lộ - Tỉnh Yên Bái                              | 30.976.987    | 30.846.296    | 130.691     | 3  |
| 408 | Công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Hoàng                       | TB0060B | 4   | Khu Cầu Thia - Xã Phù Nham - Thị xã Nghĩa Lộ - Tỉnh Yên Bái                      | 87.208.140    | 73.288.769    | 13.919.371  | 16 |
| 409 | Công ty cổ phần Noong Phai                                   | TB0064B | 29  | Phường Cầu Thia, tỉnh Lào Cai                                                    | 128.336.626   | 118.761.154   | 9.575.472   | 4  |
| 410 | Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và Thương mại Bắc Thăng Long | TB0075B |     | Tổ Tông Pọng, phường Tân An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái                       | 68.873.336    | 52.021.192    | 16.852.144  | 60 |
| 411 | Công ty Cổ phần đầu tư Golden Land Yên Bái                   | TB0094B | 10  | Tổ Tông Pọng, phường Tân An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái                       | 42.823.509    | 42.720.000    | 103.509     | 3  |
| 412 | DNTN Sản xuất và Thương mại Thanh Hưng                       | TB0099B | 3   | Xã Phù Nham, Thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái                                       | 14.284.833    | 14.207.392    | 77.441      | 4  |
| 413 | Công ty TNHH BAO MINH CONSTRUCTION                           | TB0102B | 6   | Thôn 4, xã Nghĩa Lộ, Thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái                               | 45.696.468    | 45.047.177    | 649.291     | 7  |
| 414 | Doanh nghiệp tư nhân Nhật Long                               | TB0113B | 4   | Xã Liên Sơn, tỉnh Lào Cai                                                        | 20.591.649    | 20.480.000    | 111.649     | 4  |
| 415 | Công Ty TNHH Thủy Điện Nậm Tục                               | TB0115B | 25  | SN 09, Đường Phó Đức Chính Kéo Dài, Phố Hồng Tiến, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai. | 307.463.355   | 295.718.670   | 11.744.685  | 10 |
| 416 | CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT VÀ ĐẦU TƯ GBP                       | TB0122B | 6   | Tổ dân phố 1, Phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai                                     | 62.929.363    | 61.543.108    | 1.386.255   | 9  |
| 417 | Công ty TNHH Tiên Thơ Group                                  | TB0131B | 2   | Tổ 7, phường Cầu Thia, tỉnh Lào Cai                                              | 10.939.315    | 10.880.000    | 59.315      | 4  |

|     |                                                              |         |    |                                                                                   |             |             |             |     |
|-----|--------------------------------------------------------------|---------|----|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-----|
| 418 | Công ty TNHH Phát Tuấn Dương                                 | TB0146B | 5  | TDP 20, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai                                            | 18.380.427  | 18.336.000  | 44.427      | 3   |
| 419 | Công ty TNHH xây dựng Long Khánh YB                          | TG0016G | 3  | Thôn 2, Xã Hạnh Phúc, tỉnh Lào Cai                                                | 26.377.866  | 26.074.894  | 302.972     | 5   |
| 420 | Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng 319 HN                    | TG0017G | 2  | Thôn 1, Xã Hạnh Phúc, tỉnh Lào Cai                                                | 197.814.255 | 83.368.639  | 114.445.616 | 28  |
| 421 | Doanh nghiệp tư nhân Hiền Hòa Trạm Tấu                       | TG0018G | 6  | Thôn Km 14+17, xã Trạm Tấu, tỉnh Lào Cai                                          | 36.035.387  | 35.840.000  | 195.387     | 4   |
| 422 | CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TÂY BẮC YB                        | TH0103H | 18 | xã Gia Hội, tỉnh Lào Cai                                                          | 249.295.554 | 244.976.000 | 4.319.554   | 8   |
| 423 | CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ KINH DOANH KHOÁNG SẢN TÂY BẮC YB | TH0104H | 61 | xã Gia Hội, tỉnh Lào Cai                                                          | 226.976.633 | 218.258.029 | 8.718.604   | 4   |
| 424 | Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng thương mại Long Phú Cường | TC0001C | 7  | Tổ 6 Thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái                                | 455.494.735 | 276.757.680 | 178.737.055 | 54  |
| 425 | Công ty cổ phần Quản lý chợ và VSMT Yên Thế                  | TC0025C | 5  | Thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái                                     | 241.422.351 | 219.433.464 | 21.988.887  | 31  |
| 426 | Công ty TNHH Bằng Giang                                      | TC0026C |    | TT. Yên Thế - Lục Yên - Yên Bái                                                   | 170.375.868 | 155.782.252 | 14.593.616  | 65  |
| 427 | Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Phúc Sơn                     | TC0041C | 2  | Tầng 3 tòa nhà Phúc Hưng, số 47, đường Vũ Công Mật, xã Lục Yên - tỉnh Lào Cai     | 36.420.051  | 35.638.758  | 781.293     | 8   |
| 428 | Công ty TNHH xây dựng Dũng Mai Nam                           | TC0049C |    | Thôn Cốc Há, TT Yên Thế - Lục Yên - Yên Bái                                       | 36.169.426  | 33.151.514  | 3.017.912   | 78  |
| 429 | Công ty cổ phần xây dựng Long Biên Yên Bái                   | TC0050C |    | Tổ 17,Thị trấn Yên thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái                               | 53.750.764  | 49.404.807  | 4.345.957   | 48  |
| 430 | Công ty Cổ phần TC Phúc Thanh                                | TC0055C |    | Tổ 12, TT Yên Thế - Huyện Lục Yên - Tỉnh Yên Bái                                  | 405.738.354 | 320.702.067 | 85.036.287  | 71  |
| 431 | Công ty TNHH khoáng sản Đồng Mê Kông FANSIPAN                | TC0070C |    | Thôn Đồng Phú,Thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái                       | 26.684.940  | 24.476.904  | 2.208.036   | 101 |
| 432 | Công ty cổ phần DT Phú Thái                                  | TC0071C |    | Tổ dân phố 9, Thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái                       | 11.795.081  | 11.165.000  | 630.081     | 114 |
| 433 | Công ty TNHH Thành Vạn Phúc                                  | TC0075C |    | Số nhà 285, đường Nguyễn Tất Thành, tổ 4, TT yên thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái | 34.012.642  | 32.632.218  | 1.380.424   | 47  |
| 434 | Công ty TNHH TM Hà My                                        | TC0076C | 8  | Tổ 2, Thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái                               | 226.247.160 | 186.865.781 | 39.381.379  | 45  |
| 435 | Công ty TNHH vận tải Bắc My                                  | TC0080C |    | Tổ 13, Thị trấn Yên Thế - Huyện Lục Yên - Yên Bái                                 | 680.988.939 | 572.830.892 | 108.158.047 | 88  |

|     |                                                                        |         |    |                                                              |             |             |            |    |
|-----|------------------------------------------------------------------------|---------|----|--------------------------------------------------------------|-------------|-------------|------------|----|
| 436 | Công ty TNHH Lộc Đại Dương                                             | TC0084C |    | Thôn Làng Già, Xã Yên Thắng, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái     | 15.821.971  | 14.466.557  | 1.355.414  | 85 |
| 437 | Công ty TNHH Lâm Hoàng Lục Yên                                         | TC0086C | 6  | Thôn Đồng Phú, Thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái | 15.405.553  | 15.373.268  | 32.285     | 3  |
| 438 | Công ty TNHH một thành viên Hoàng Phương NB                            | TC0093C | 11 | Tổ 16, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái         | 27.411.616  | 26.930.578  | 481.038    | 3  |
| 439 | Công ty TNHH xây dựng và thương mại Nhân Nghĩa                         | TC0099C | 5  | Tổ 6, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái          | 20.016.382  | 19.968.000  | 48.382     | 3  |
| 440 | Công ty TNHH chế biến đá Ngọc Sơn Lâm                                  | TC0100C | 10 | Xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai                                   | 106.138.006 | 100.215.848 | 5.922.158  | 11 |
| 441 | Công ty TNHH Trường Hải Lục Yên                                        | TC0106C | 8  | Tổ 7, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái          | 22.154.246  | 22.112.000  | 42.246     | 3  |
| 442 | Công ty TNHH Bảo Thạch Việt Nam                                        | TC0108C |    | Thôn Tổng Táng, xã Minh Tiến, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái    | 30.006.339  | 25.891.445  | 4.114.894  | 87 |
| 443 | Chi nhánh Công ty TNHH Đại Hoàng Long tại huyện Lục Yên - tỉnh Yên Bái | TC0113C |    | Tổ 15, TT Yên Thế - Huyện Lục Yên - Tỉnh Yên Bái             | 15.212.000  | 10.071.575  | 5.140.425  | 65 |
| 444 | Công ty cổ phần sản xuất và thương mại MYCON Lục Yên                   | TC0116C |    | Tổ 11, TT Yên Thế - Huyện Lục Yên - Tỉnh Yên Bái             | 10.420.949  | 9.007.396   | 1.413.553  | 64 |
| 445 | Công ty TNHH chế biến đá Đào Lâm                                       | TC0117C | 24 | Tổ 8, TT Yên Thế - Huyện Lục Yên - Tỉnh Yên Bái              | 67.668.899  | 66.196.367  | 1.472.532  | 3  |
| 446 | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Chuyển giao công nghệ Thái Thịnh     | TC0118C | 21 | Tổ 8, Thị trấn Yên Thế - Huyện Lục Yên - Tỉnh Yên Bái        | 63.459.527  | 62.999.736  | 459.791    | 3  |
| 447 | Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Tuấn Dương Lục Yên                  | TC0120C | 7  | Thôn 11, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.                           | 117.747.961 | 114.037.565 | 3.710.396  | 12 |
| 448 | Công ty TNHH Quang Minh Lục Yên                                        | TC0121C |    | Thôn Trung Tâm, xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái     | 132.678.977 | 116.596.564 | 16.082.413 | 37 |
| 449 | Công ty TNHH Đại Lộc Yên Bái                                           | TC0124C | 5  | Tổ 10, TT Yên Thế - Huyện Lục Yên - Tỉnh Yên Bái             | 188.215.332 | 172.669.701 | 15.545.631 | 25 |
| 450 | Công ty TNHH đá Lê Gia                                                 | TC0164C | 5  | Xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai                                   | 29.424.668  | 25.837.912  | 3.586.756  | 6  |
| 451 | Công ty TNHH Thắng An Phát                                             | TC0165C |    | Thôn Ngòi Thăm, xã Tô Mậu, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái       | 112.718.674 | 105.600.000 | 7.118.674  | 44 |
| 452 | Công ty TNHH TMDV Hà Phát                                              | TC0170C |    | Xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai                                     | 17.178.883  | 15.809.911  | 1.368.972  | 44 |
| 453 | Công ty TNHH đá ốp lát Phúc Trường                                     | TC0182C |    | Tổ 6, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái          | 39.276.024  | 36.172.800  | 3.103.224  | 37 |
| 454 | Công ty TNHH Đào Thịnh MARBLE                                          | TC0195C |    | Tổ 13, Xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai                              | 75.680.046  | 70.351.040  | 5.329.006  | 18 |

|     |                                                              |         |     |                                                      |             |             |            |     |
|-----|--------------------------------------------------------------|---------|-----|------------------------------------------------------|-------------|-------------|------------|-----|
| 455 | Công ty Cổ phần đầu tư MAECOM                                | TC0201C | 4   | Tổ 11, TT Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái       | 51.302.520  | 49.058.077  | 2.244.443  | 14  |
| 456 | Công ty TNHH Thạch Hà HTC                                    | TC0211C | 2   | Tổ 11, Thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái | 10.014.932  | 9.311.152   | 703.780    | 4   |
| 457 | Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Thạch                         | TC0212C | 3   | Xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai                             | 19.724.858  | 19.594.385  | 130.473    | 5   |
| 458 | Công ty cổ phần đầu tư Đất Ngọc NT                           | TC0214C | 2   | Tổ 7, Thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái  | 22.676.730  | 22.272.000  | 404.730    | 7   |
| 459 | Công ty TNHH ngân dương phúc lộc thọ                         | TC0219C | 3   | Thôn 5, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai                     | 14.413.981  | 14.105.876  | 308.105    | 5   |
| 460 | Công ty cổ phần khai thác sản xuất và xây dựng huyện Văn Yên | TD0004D |     | Xã Đại Phác - Huyện Văn Yên - Tỉnh Yên Bái           | 49.412.410  | 47.915.900  | 1.496.510  | 8   |
| 461 | Công ty TNHH thương mại - xây dựng vận tải Thành Công        | TD0008D |     | Thị trấn Mậu A - Văn Yên - Yên Bái                   | 38.693.461  | 18.128.943  | 20.564.518 | 131 |
| 462 | Công ty TNHH Phương Đông                                     | TD0014D |     | huyện Văn Yên -YB                                    | 53.689.219  | 30.578.817  | 23.110.402 | 160 |
| 463 | Doanh nghiệp tư nhân Giang Hải Yên Bái                       | TD0040D | 4   | Xã Mậu Đông - Văn Yên - Yên Bái                      | 25.155.707  | 24.854.025  | 301.682    | 5   |
| 464 | Doanh nghiệp tư nhân Tĩnh Nhung                              | TD0054D | 4   | Thôn Khe Cỏ. Xã An Thịnh - Văn Yên - Yên Bái         | 28.646.737  | 28.386.514  | 260.223    | 5   |
| 465 | Công ty trách nhiệm hữu hạn Quế Văn Yên                      | TD0062D | 3   | Thôn 3. Xã Đại Sơn - Văn Yên - Yên Bái               | 11.547.912  | 11.520.000  | 27.912     | 3   |
| 466 | Công ty TNHH Hoàng Minh YB                                   | TD0094D | 2   | Thôn Đại An. Xã An Thịnh - Văn Yên - Yên Bái         | 16.493.518  | 16.223.274  | 270.244    | 6   |
| 467 | Công ty TNHH thương mại sản xuất xuất nhập khẩu Thuận Quế    | TD0120D | 10  | Tổ dân phố số 1. Thị trấn Mậu A - Văn Yên - Yên Bái  | 33.799.156  | 33.760.001  | 39.155     | 3   |
| 468 | Công ty TNHH LÂM NAM PHÁT                                    | TD0129D | 21  | Thôn Cầu Khai. Xã Mậu Đông - Văn Yên - Yên Bái       | 60.680.962  | 59.835.955  | 845.007    | 3   |
| 469 | Công ty T.N.H.H sản xuất và thương mại Vinh Nhung            | TD0134D | 7   | Thôn Chèm. Xã Đông An - Văn Yên - Yên Bái            | 18.782.143  | 18.506.476  | 275.667    | 3   |
| 470 | Công ty TNHH may mặc xuất nhập khẩu Thành An                 | TD0153D | 5   | Thôn Cầu A. Xã Mậu Đông - Văn Yên - Yên Bái          | 26.053.680  | 24.182.387  | 1.871.293  | 5   |
| 471 | Công ty TNHH dịch vụ thương mại xuất khẩu Đức Thắng          | TD0154D | 100 | Thôn Yên Thành. Xã Yên Hợp - Văn Yên - Yên Bái       | 391.571.535 | 387.245.627 | 4.325.908  | 4   |
| 472 | Công ty TNHH xây dựng và thương mại Nhật Minh                | TD0155D | 7   | Thôn Yên Thành. Xã Yên Hợp - Văn Yên - Yên Bái       | 32.472.066  | 32.036.883  | 435.183    | 5   |
| 473 | Công ty TNHH BNW Việt Nam                                    | TD0157D | 94  | Thôn Khe Giềng. Xã Quang Minh - Văn Yên - Yên Bái    | 173.990.082 | 172.463.148 | 1.526.934  | 3   |

|     |                                                                       |         |    |                                                                       |               |             |               |     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|---------|----|-----------------------------------------------------------------------|---------------|-------------|---------------|-----|
| 474 | Công ty TNHH năng lượng sinh khối Văn Yên                             | TD0166D | 13 | Thôn Cầu Khai. Xã Đông Cường - Tỉnh Lào Cai                           | 67.468.432    | 67.096.500  | 371.932       | 4   |
| 475 | Công ty TNHH Quang Phương YB                                          | TD0169D | 4  | Thôn Phúc Linh. Xã Lâm Giang - Tỉnh Lào Cai                           | 11.122.034    | 11.116.390  | 5.644         | 3   |
| 476 | Công ty TNHH thương mại và xây dựng Tiến Cường YB                     | TD0174D | 4  | Thôn Quyết Thắng. Xã Mậu A - Tỉnh Lào Cai                             | 23.003.031    | 22.809.600  | 193.431       | 5   |
| 477 | Công ty TNHH Quế Hoàng Duy                                            | TD0191D | 3  | Thôn Trung Tâm. Xã Xuân Ái - Tỉnh Lào Cai                             | 13.641.319    | 13.463.418  | 177.901       | 4   |
| 478 | Công ty cổ phần khảo sát và đo đạc Hà Đông - Chi nhánh đo đạc Hải Nam | TD0197D | 2  | Thôn Quyết Thắng. Xã Mậu A - Tỉnh Lào Cai                             | 10.277.216    | 10.240.000  | 37.216        | 3   |
| 479 | Công ty TNHH kinh doanh - thương mại - xây dựng Trường An             | TD0218D | 9  | Thôn Phú Cường. Xã Mậu A - Tỉnh Lào Cai                               | 45.644.515    | 45.607.680  | 36.835        | 3   |
| 480 | Công ty TNHH Xăng dầu Đắc Thiên                                       | TH0017H | 6  | Thôn Trung Tâm - Xã Bình Thuận - Huyện Văn Chấn - Tỉnh Yên Bái        | 18.894.790    | 18.850.170  | 44.620        | 3   |
| 481 | Công ty TNHH Mai Chi                                                  | TH0023H | 3  | Số nhà 287 - Tổ 4 - Phường Trung Tâm - Thị xã Nghĩa Lộ - Tỉnh Yên Bái | 13.538.540    | 13.440.000  | 98.540        | 3   |
| 482 | Công ty TNHH Chè An Việt                                              | TH0026H | 7  | Thôn Khe Mỡ, xã Chấn Thịnh, tỉnh Lào Cai                              | 18.417.762    | 18.416.133  | 1.629         | 3   |
| 483 | Công ty TNHH XNK Bình Hiền YB                                         | TH0064H | 7  | Thôn Đồng Mạn - Xã Chấn Thịnh - Tỉnh Lào Cai                          | 16.937.466    | 16.631.636  | 305.830       | 3   |
| 484 | Công ty TNHH thương mại và sản xuất hàng nông sản Việt Nam            | TH0065H |    | Khu phố 2 - Xã Đồng Khê - Huyện Văn Chấn - Tỉnh Yên Bái               | 91.553.132    | 77.695.350  | 13.857.782    | 101 |
| 485 | Công ty Cổ phần sản xuất thực phẩm và đông dược Thế Gia               | TH0073H | 17 | Thôn Thác Hoa 3 - Xã Sơn Thịnh - Huyện Văn Chấn - Tỉnh Yên Bái        | 1.201.249.882 | 947.234.555 | 254.015.327   | 47  |
| 486 | Công ty cổ phần chè San Tuyết                                         | TH0086H |    | Thôn Giàng B - Xã Suối Giàng - Huyện Văn Chấn - Tỉnh Yên Bái          | 64.387.378    | 52.069.813  | 12.317.565    | 53  |
| 487 | Công ty TNHH Đặng Hồng Ngọc                                           | TH0090H | 8  | Thôn Vũ Thịnh - Xã Chấn Thịnh - Huyện Văn Chấn - Tỉnh Yên Bái         | 60.562.644    | 59.872.000  | 690.644       | 5   |
| 488 | Công ty TNHH cơ điện Anh Tuấn VINA                                    | TH0129H | 5  | Thôn Hợp Nhất - Xã Nghĩa Tâm - Tỉnh Lào Cai                           | 68.209.558    | 66.853.421  | 1.356.137     | 8   |
| 489 | Công ty cổ phần Greeneco Việt Nam                                     | TH0138H | 9  | Thôn Khe Ngang - Xã Hưng Khánh - Tỉnh Lào Cai                         | 58.397.408    | 58.240.000  | 157.408       | 3   |
| 490 | Công ty TNHH Đức Thiện                                                | TI0013I |    | Xã Hán Đà- Huyện Yên Bình- Tỉnh Yên Bái                               | 227.635.645   | 172.546.697 | 55.088.948    | 147 |
| 491 | Công ty TNHH Thiện Yên                                                | TI0015I |    | Tổ 14B, TT Yên Bình, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái                     | 87.855.987    | 47.320.569  | 40.535.418    | 108 |
| 492 | Công ty cổ phần chè Văn Hưng                                          | TI0018I | 14 | Thôn 7, Xã Thịnh Hưng, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái                   | 1.471.790.215 | 376.052.459 | 1.095.737.756 | 59  |

|     |                                                          |         |    |                                                                          |             |             |            |     |
|-----|----------------------------------------------------------|---------|----|--------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|------------|-----|
| 493 | Công ty TNHH Nam Thanh                                   | TI0026I |    | Số nhà 846 - Tổ 41B, Phường Yên Thịnh, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái          | 106.080.322 | 63.523.827  | 42.556.495 | 117 |
| 494 | Công ty Cổ phần Mông Sơn                                 | TI0029I | 74 | Thôn 13, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai                                       | 454.840.000 | 454.840.000 | 0          | 3   |
| 495 | Công ty TNHH Hùng Linh                                   | TI0034I |    | TT Yên Bình - huyện Yên Bình - Yên Bái                                   | 37.367.523  | 29.731.421  | 7.636.102  | 193 |
| 496 | Công ty CP cá tầm Phương Bắc                             | TI0045I |    | Xã Thịnh Hưng, Yên Bình, Yên Bái                                         | 150.729.740 | 101.323.693 | 49.406.047 | 167 |
| 497 | Công ty cổ phần Tâm Châu Việt Nam                        | TI0060I |    | TT Yên Bình - huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái                              | 30.774.504  | 25.609.417  | 5.165.087  | 175 |
| 498 | Công ty TNHH Ngọc Huy                                    | TI0066I |    | Tổ 6 TT Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái                                    | 41.446.104  | 36.835.911  | 4.610.193  | 131 |
| 499 | Công ty TNHH dược phẩm Trọng Khánh                       | TI0070I |    | Tổ 10, TT Yên Bình, huyện Yên Bình                                       | 42.331.111  | 35.401.274  | 6.929.837  | 147 |
| 500 | Công ty TNHH sản xuất và xây dựng HDN                    | TI0072I |    | Tổ 7, TT Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái                          | 32.948.703  | 27.657.842  | 5.290.861  | 159 |
| 501 | Công ty TNHH Phúc An Yên Bình                            | TI0079I |    | Phúc an, Yên Bình, Yên Bái                                               | 23.288.828  | 19.188.005  | 4.100.823  | 142 |
| 502 | Công ty TNHH xây dựng Bền Phát                           | TI0101I |    | Tổ 38 Phường Nguyễn Phúc, TP Yên Bái                                     | 21.824.235  | 20.020.379  | 1.803.856  | 110 |
| 503 | Chi nhánh Công ty cổ phần ngoại thương Đông Anh          | TI0106I |    | Tổ dân phố 4, TT Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái                   | 72.230.722  | 59.929.594  | 12.301.128 | 30  |
| 504 | Công ty cổ phần khoáng sản và thương mại Tùng Lâm        | TI0162I | 4  | Tổ 13, TT Yên Bình, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái                         | 47.583.729  | 47.360.000  | 223.729    | 4   |
| 505 | Công ty TNHH MTV Minh Hà                                 | TI0222I | 6  | SN 270, Đường Đại Đồng, Tổ 10, TT Yên Bình, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái | 34.197.343  | 34.039.994  | 157.349    | 4   |
| 506 | Công ty TNHH Giang Mạnh Phát                             | TI0297I | 16 | SN 361, đường Hương Lý, thôn 10, xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai               | 64.026.405  | 63.148.735  | 877.670    | 3   |
| 507 | Công ty TNHH Thanh Bình                                  | TI0328I | 11 | SN 09, Đường Phó Đức Chính, Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                 | 48.349.069  | 47.529.975  | 819.094    | 4   |
| 508 | Công ty cổ phần khai khoáng Minh Đức                     | TI0339I | 88 | Thôn Yên Thịnh, xã Lương Thịnh, tỉnh Yên Bái                             | 613.514.371 | 604.437.417 | 9.076.954  | 4   |
| 509 | Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh thương mại Duy Cường | TI0348I | 4  | 14 Đường Kim Đồng, TDP số 7, xã Trấn Yên, tỉnh Lào Cai                   | 13.938.918  | 13.938.592  | 326        | 3   |
| 510 | Công ty TNHH Thịnh Phát Plywood                          | TI0351I | 34 | Thôn Yên Định, xã Lương Thịnh, tỉnh Lào Cai                              | 100.402.934 | 97.928.438  | 2.474.496  | 3   |

|     |                                                               |         |    |                                                                                     |             |             |             |     |
|-----|---------------------------------------------------------------|---------|----|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-----|
| 511 | Công ty TNHH Doanh Mùi                                        | TI0363I |    | Xã Lương Thịnh, tỉnh Lào Cai                                                        | 487.331.700 | 290.524.999 | 196.806.701 | 80  |
| 512 | Công ty trách nhiệm hữu hạn Yên Hợp                           | TI0372I |    | Xã Trấn Yên, tỉnh Lào Cai                                                           | 243.752.168 | 203.937.673 | 39.814.495  | 175 |
| 513 | Công ty trách nhiệm hữu hạn Thẩm Hương                        | TI0373I |    | Xã Trấn Yên, tỉnh Lào Cai                                                           | 115.057.966 | 94.251.149  | 20.806.817  | 181 |
| 514 | Trường mầm non Việt Hà                                        | NA0037A | 44 | Số nhà 046 Đặng Văn Ngữ, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                               | 156.834.697 | 156.100.712 | 733.985     | 3   |
| 515 | Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục Happy Kids             | NZ0012Z | 4  | SN 061, đường Hoàng Sào, (tổ 04 phường Pom Hán cũ), phường Cam Đường - Tỉnh Lào Cai | 13.006.314  | 12.896.257  | 110.057     | 3   |
| 516 | Trường mầm non song ngữ Rainbow                               | NZ0004Z |    | Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai                                                        | 230.514.254 | 205.094.197 | 25.420.057  | 24  |
| 517 | Lớp mầm non Hoa Trạng Nguyên                                  | NZ0007Z | 9  | Số nhà 03, Ngõ 379, đường Yên Ninh, Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                    | 23.170.856  | 21.228.016  | 1.942.840   | 3   |
| 518 | Trường Mầm Non Ban Mai                                        | ND0001D | 15 | Tổ dân phố số 9 - Thị trấn Mậu A - Văn Yên - Yên Bái                                | 75.336.581  | 62.550.318  | 12.786.263  | 6   |
| 519 | Hợp tác xã Xuân Cường                                         | EB0006B |    | xã Bản Xèo, tỉnh Lào Cai                                                            | 10.135.035  | 10.011.553  | 123.482     |     |
| 520 | Hợp tác xã Minh Phúc                                          | EB0010B | 3  | Thôn 11, xã Bát Xát, tỉnh Lào Cai                                                   | 17.216.329  | 17.178.566  | 37.763      | 3   |
| 521 | Hợp Tác Xã Kinh Doanh Tổng Hợp Huyện Mường Khương             | EC0002C | 18 | Thôn Nhân Giồng - TT Mường Khương - huyện Mường Khương - Lào Cai                    | 41.156.428  | 41.054.651  | 101.777     | 3   |
| 522 | Hợp tác xã Nông nghiệp và thương mại Si Ma Cai - tỉnh Lào Cai | ED0001E | 2  | Xã Si Ma Cai - tỉnh Lào Cai                                                         | 13.024.626  | 12.912.000  | 112.626     | 5   |
| 523 | Hợp tác xã Bản Mế                                             | ED0003E | 6  | Xã Si Ma Cai - tỉnh Lào Cai                                                         | 26.218.066  | 25.722.006  | 496.060     | 5   |
| 524 | Hợp tác xã Nông nghiệp Cỏ Dề Chải                             | EE0006E | 2  | Cỏ Dề Chải - xã Bắc Hà - tỉnh Lào Cai                                               | 14.541.743  | 14.416.000  | 125.743     | 5   |
| 525 | Hợp tác xã Sun Gold                                           | EF0010F | 2  | Tại nhà ông Vũ Ngọc Bích, Thôn 1, xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai                        | 12.232.168  | 12.110.909  | 121.259     | 5   |
| 526 | Hợp tác xã Làng thổ cẩm Lan Rừng                              | EH0013H | 6  | Số 01, Số 01, Ngõ 81, đường Điện Biên Phủ, Phường Sa Pả, Sa Pa, Lào Cai             | 37.274.662  | 35.473.615  | 1.801.047   | 5   |
| 527 | Hợp tác xã văn hóa kết nối cộng đồng                          | EH0015H | 7  | số 01 Hoàng Diệu, TDP sa pa 4, Phường Sa Pa, Tỉnh Lào Cai                           | 36.317.445  | 36.192.000  | 125.445     | 3   |
| 528 | Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Thát Luông                     | EI0005I |    | Xã Dần Thàng - Văn Bàn - Lào Cai                                                    | 10.033.808  | 4.262.790   | 5.771.018   | 113 |

|     |                                                                |         |    |                                                               |             |             |             |     |
|-----|----------------------------------------------------------------|---------|----|---------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-----|
| 529 | Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, Vạn An                            | EI0007I | 1  | thôn Liêm xã Khánh Yên tỉnh Lào Cai                           | 28.069.329  | 21.801.087  | 6.268.242   | 15  |
| 530 | Hợp tác xã Tân Hồng                                            | EA0017A |    | Tổ 15 Nam Cường, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai               | 70.410.604  | 35.801.164  | 34.609.440  | 104 |
| 531 | Hợp tác xã Đầu tư xây dựng và Khai thác quản lý Chợ Cường Phát | EA0018A | 10 | Số nhà 005, Mạc Đình Chi, tổ 12, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai | 60.140.622  | 48.844.069  | 11.296.553  | 5   |
| 532 | Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã Phù Nham                     | EB0007B |    | Xã Phù Nham - Thị xã Nghĩa Lộ - Tỉnh Yên Bái                  | 758.175.755 | 633.152.788 | 125.022.967 | 80  |
| 533 | Hợp tác xã Du Lịch Cường Hải                                   | EG0004G | 21 | Thôn 3, Xã Hạnh Phúc, tỉnh Lào Cai                            | 50.362.389  | 50.304.000  | 58.389      | 3   |
| 534 | HTXKD, sản xuất dịch vụ tổng hợp Hưng Thùy                     | EG0006G | 2  | Thôn 2, Xã Hạnh Phúc, tỉnh Lào Cai                            | 17.436.175  | 17.108.708  | 327.467     | 8   |
| 535 | HTX may mặc xuất khẩu Lục Yên                                  | EC0013C |    | Tổ 16, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái          | 36.722.966  | 31.917.678  | 4.805.288   | 68  |
| 536 | HTX Ngọc Hoàn Mỹ                                               | EC0020C | 4  | Xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai                                    | 81.587.797  | 77.617.384  | 3.970.413   | 20  |
| 537 | HTX nuôi trồng dược liệu Bình An                               | EC0032C | 5  | Thôn 7, xã Càn Nhân, tỉnh Lào Cai                             | 13.913.076  | 13.558.861  | 354.215     | 3   |
| 538 | Hợp tác xã dịch vụ nông lâm nghiệp tổng hợp Công Tâm           | ED0019D | 3  | Xã Viễn Sơn - Văn Yên - Yên Bái                               | 30.142.893  | 29.868.603  | 274.290     | 6   |
| 539 | Hợp tác xã Long An                                             | ED0023D | 6  | Tổ 5. Khu phố 3 Thị trấn Mậu A - Văn Yên - Yên Bái            | 19.039.376  | 18.871.204  | 168.172     | 3   |
| 540 | Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp hữu cơ Trung Thành              | ED0026D | 2  | Thôn Yên Dũng 1. Xã Yên Hợp - Văn Yên - Yên Bái               | 15.603.841  | 15.456.000  | 147.841     | 7   |
| 541 | Hợp tác xã Thanh Mai                                           | ED0038D |    | Thôn Tân Thành. Xã Yên Thái - Văn Yên - Yên Bái               | 14.485.914  | 12.000.000  | 2.485.914   | 20  |
| 542 | Hợp tác xã chăn nuôi dịch vụ tổng hợp Yên Thái                 | ED0039D |    | Thôn Đồng Bát. Xã Yên Thái - Văn Yên - Yên Bái                | 10.091.464  | 8.558.778   | 1.532.686   | 19  |
| 543 | Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp Tân Thịnh                          | EH0006H | 3  | Xã Chấn Thịnh - Tỉnh Lào Cai                                  | 23.150.481  | 22.835.367  | 315.114     | 7   |
| 544 | HTX dịch vụ sản xuất và thương mại Việt Đức                    | EH0015H |    | Thôn 4 - Xã Tân Thịnh - Huyện Văn Chấn - Tỉnh Yên Bái         | 46.608.376  | 22.158.879  | 24.449.497  | 130 |
| 545 | Hợp tác xã hệ sinh thái du lịch Suối Giàng                     | EH0039H | 4  | Thôn Pang Cáng, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai                     | 17.398.570  | 17.299.333  | 99.237      | 3   |
| 546 | Hợp tác xã Giáp Mến                                            | EH0047H | 3  | Thôn Phiêng 2, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai                      | 12.510.238  | 12.480.000  | 30.238      | 3   |
| 547 | Hợp tác xã Khai thác SX DV VL XD Hợp Nhất                      | EI0057I | 9  | Xã Trấn Yên, tỉnh Lào Cai                                     | 22.656.027  | 22.656.000  | 27          | 3   |

|     |                                                    |         |    |                                                                       |            |            |           |     |
|-----|----------------------------------------------------|---------|----|-----------------------------------------------------------------------|------------|------------|-----------|-----|
| 548 | Hộ Kinh Doanh Lê Trung Thức - Trại Cá Hồi Thức Mai | CH0033H | 2  | Thôn Can Hồ Mông, xã Ngũ Chi Sơn, tỉnh Lào Cai                        | 15.434.432 | 15.360.000 | 74.432    | 3   |
| 549 | Trung tâm máy tính HTC                             | CA0019A |    | Số nhà 336, đường Nhạc Sơn, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai              | 56.310.267 | 52.946.246 | 3.364.021 | 22  |
| 550 | Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Hoa                       | CA0021A | 3  | Tổ 28 Bắc Cường (Đầu cầu Kim Tân ), phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai    | 17.371.982 | 17.241.600 | 130.382   | 3   |
| 551 | Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu Hằng                  | CA0026A | 8  | Số nhà 160, Đường An Dương Vương, Tổ 29, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai | 28.745.117 | 27.406.955 | 1.338.162 | 3   |
| 552 | Hộ KD cá thể Trần Thị Hương                        | CA0087A |    | P Minh Tân - TP Yên Bái - T Yên Bái                                   | 10.362.920 | 9.249.715  | 1.113.205 | 181 |
| 553 | Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Thị Hiếu               | CA0180A |    | Tổ 15-Phường Nguyễn Thái Học-Thành phố Yên Bái-Tỉnh Yên Bái           | 10.058.321 | 6.988.142  | 3.070.179 | 59  |
| 554 | Hộ kinh doanh cá thể Đoàn Ngọc Hòa                 | CA0209A | 4  | Tổ 39,Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                                    | 20.807.955 | 17.982.935 | 2.825.020 | 5   |
| 555 | Hộ kinh doanh cá thể Phạm Thu Hương                | CA0263A | 13 | Tổ 51, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái               | 60.565.465 | 59.425.979 | 1.139.486 | 4   |
| 556 | Hộ KD cá thể Nguyễn Thu Thủy                       | CZ0018Z |    | SN 1014 - Đ. Điện Biên - Tổ 31B- Phường Đồng Tâm - TP Yên Bái         | 39.156.339 | 32.990.154 | 6.166.185 | 165 |
| 557 | Hộ kinh doanh Đỗ Quang Chiến                       | CZ0024Z | 6  | Phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai                                          | 22.067.724 | 21.546.823 | 520.901   | 4   |
| 558 | Hộ kinh doanh Phạm Tiến Quân                       | CZ0040Z | 2  | Thôn Thanh Hùng,Phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Tỉnh Yên Bái            | 20.674.136 | 20.469.043 | 205.093   | 6   |
| 559 | Hộ kinh doanh Tạ Thị Hồng Hải                      | CZ0116Z | 4  | Số 29 đường Lê Văn Tám, TDP Đồng Tâm 8, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai  | 10.624.945 | 10.624.939 | 6         | 3   |
| 560 | Hộ kinh doanh cá thể Phạm Thị Dinh                 | CD0045D | 2  | Xã An Thịnh - Huyện Văn Yên - Tỉnh Yên Bái                            | 11.497.895 | 11.419.286 | 78.609    | 5   |
| 561 | Hộ kinh doanh cá thể Trần Hồng Huệ                 | CD0062D | 6  | Tổ dân phố 6. Thị trấn Mậu A - Văn Yên - Yên Bái                      | 19.242.392 | 19.003.200 | 239.192   | 4   |
| 562 | Trung tâm TMTH Thành Oanh                          | CE0008E | 11 | TT Mù Cang Chải - Huyện Mù Cang Chải - Yên Bái                        | 46.070.490 | 45.411.082 | 659.408   | 3   |
| 563 | Công ty cổ phần đầu tư giáo dục HDT                | IC0011Z | 3  | SN 022, Phố Hoàng Lan, Phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                   | 20.094.503 | 17.778.927 | 2.315.576 | 5   |
| 564 | Công ty TNHH MTV Thiên Long Giang                  | IC0014Z |    | Tổ 35, đường Ngô Quyền kéo dài, Kim Tân, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai | 63.174.633 | 55.398.758 | 7.775.875 | 23  |
| 565 | Công ty TNHH đá hoa cương kanchan marmo            | BW0002Z | 20 | BT - SH16, KPH MeLinh Plara, tổ 8, Phường Yên Bái - T. Lào Cai        | 95.277.586 | 93.997.736 | 1.279.850 | 3   |

|     |                                                  |         |   |                                                                      |                        |                        |                       |    |
|-----|--------------------------------------------------|---------|---|----------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|----|
| 566 | Công ty Cổ phần CIE Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái | IC0006Z |   | Số 01 đường Nguyễn Văn Cừ - Tổ 11 - P Đồng Tâm - TP Yên Bái          | 17.799.271             | 12.600.000             | 5.199.271             |    |
| 567 | Công ty TNHH MTV Quang Hằng FARM                 | Q60003F | 1 | Thôn Làng Bông, Xã Xuân Quang, tỉnh Lào Cai                          | 10.415.931             | 10.325.000             | 90.931                | 5  |
| 568 | Công ty TNHH Habohome                            | Q60151J | 1 | Số nhà 184, Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai    | 11.902.983             | 11.805.550             | 97.433                | 5  |
| 569 | Công ty TNHH kiến trúc nội thất huỳnh đệ         | Q60022Z | 1 | Số 06, ngõ 177 đường Trần Bình Trọng, Phường Nam Cường, tỉnh Lào Cai | 19.243.724             | 18.880.000             | 363.724               | 8  |
| 570 | Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Huy Tú        | Q60102Z | 1 | Số nhà 18 ngõ 103, Tổ 7, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai                | 13.307.475             | 13.275.000             | 32.475                | 3  |
| 571 | Công ty TNHH BAO MINH CONSTRUCTION               | Q60010B | 1 | Thôn 4, xã Nghĩa Lộ, Thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái                   | 20.053.890             | 19.470.000             | 583.890               | 11 |
|     | <b>Tổng</b>                                      |         |   |                                                                      | <b>474.675.133.518</b> | <b>445.480.405.451</b> | <b>29.194.728.067</b> |    |